



Mã nhận dạng 02285

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CC_01

Tổ Thi 001_DH21CC_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118008	Phan Văn Chí	Bảo	DH18CC	<i>Bao</i>	1,25	1,75	4,5	7,5	0012345678910	0123456789
2	21118172	Huỳnh Hải	Bằng	DH21CC	<i>Hai</i>	0,0	1,5	1,0	2,5	0012345678910	0123456789
3	21118173	Trần Lê	Bằng	DH21CC	<i>Bao</i>	0,75	2,0	1,25	2,0	0012345678910	0123456789
4	21118182	Vũ Đình	Chương	DH21CC	<i>Phu</i>	0,0	1,5	0,8	2,3	0012345678910	0123456789
5	18153009	Ngô Mạnh	Cường	DH18CD	<i>Cuong</i>	1,25	1,0	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
6	21118188	Nguyễn Duy	Cường	DH21CC	<i>Duy</i>	0,0	1,8	0,5	2,3	0012345678910	0123456789
7	21118208	Lê Quý	Dung	DH21CC	<i>Quy</i>	0,0	1,0	0,8	1,8	0012345678910	0123456789
8	21118210	Trần Lê Quốc	Dũng	DH21CC	<i>Tran</i>					0012345678910	0123456789
9	21153119	Trần Quốc	Dũng	DH21CD	<i>Cam thi</i>					0012345678910	0123456789
10	21118036	Cao Bảo	Duy	DH21CC	<i>Bao</i>	0,3	1,0	3,0	4,3	0012345678910	0123456789
11	21118212	Đặng Thái	Duy	DH21CC	<i>Cam thi</i>					0012345678910	0123456789
12	21118219	Nguyễn Thanh	Duy	DH21CC	<i>Duy</i>	0,25	2,25	5,0	7,5	0012345678910	0123456789
13	18153013	Nguyễn Văn	Dư	DH18CD	<i>Du</i>	0,5	1,75	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
14	21118026	Huỳnh Tấn	Đạt	DH21CC	<i>Dat</i>	1,0	2,3	4,5	7,8	0012345678910	0123456789
15	21118201	Lê Tấn	Đạt	DH21CC	<i>Tran</i>					0012345678910	0123456789
16	21118203	Trần Thanh	Đạt	DH21CC	<i>Du</i>	0,0	1,3	0,5	1,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02285

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21CC_01**

Tổ Thi **001_DH21CC_01**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD205**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21118031	Trần Gia Điền	DH21CC	<i>[Signature]</i>		0,3	2,0	0,5	2,8	0010345678910	0123456789
18	21118044	Nguyễn Quốc Em	DH21CC	(cấm thi)						0012345678910	0123456789
19	21118221	Trần Nhật Hải	DH21CC	(cấm thi)						0012345678910	0123456789
20	21118222	Vũ Đình Hải	DH21CC	<i>[Signature]</i>		0,0	2,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
21	21118048	Nguyễn Đăng Nhật Hào	DH21CC	(cấm thi)						0012345678910	0123456789
22	21118225	Hồ Đức Hào	DH21CC	<i>[Signature]</i>		0,0	1,8	0,5	2,3	0012345678910	0123456789
23	21118229	Trần Văn Hậu	DH21CC	<i>[Signature]</i>		0,0	0,5	0,0	0,5	0012345678910	0123456789
24	21118233	Đỗ Sơn Hiếu	DH21CC	<i>[Signature]</i>		1,25	2	0,75	4,0	0012345678910	0123456789
25	21118058	Trần Vĩnh Hoàng	DH21CC	<i>[Signature]</i>		0,0	1,0	0,0	1,0	0012345678910	0123456789
26	21118254	Dương Gia Huy	DH21CC	<i>[Signature]</i>		0,0	1,3	0,5	1,8	0012345678910	0123456789
27	21118256	Lý Triệu Huy	DH21CC	<i>[Signature]</i>		0,5	1,5	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
28	21118250	Huỳnh Văn Hưng	DH21KN	(cấm thi)						0012345678910	0123456789
29	21118267	Huỳnh Thái Khang	DH21CC	<i>[Signature]</i>		0,0	2,0	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
30	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC	<i>[Signature]</i>		0,5	2,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
31	21118272	Đỗ Đăng Khoa	DH21CC	<i>[Signature]</i>						0012345678910	0123456789
32	21118273	Huỳnh Đăng Khoa	DH21CC	<i>[Signature]</i>		1,0	2,5	4,5	8,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02285

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CC_01

Tổ Thi 001_DH21CC_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD205

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21118274	Nguyễn Thành	Khoa	DH21CC	<i>[Signature]</i>	0,0	0,8	0,0	0,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	21118276	Huỳnh Minh	Khôi	DH21CC	<i>[Signature]</i>					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	21118081	Ngô Tuấn	Kiệt	DH21CC	<i>[Signature]</i>					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 8 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

[Signature]
Vương Thành Tiên

[Signature]
Võ Huy Thỉnh

[Signature]
TS. Nguyễn Đức Khuyến

[Signature]
TS. Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 02286

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH21CC_01

Tổ Thi 002_DH21CC_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21118285	Trần Anh Kiệt	DH21CC			0,5	1,5	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
2	21118288	Đình Văn Lâm	DH21CC			0,75	2	3,25	6,0	0012345678910	0123456789
3	21118294	Võ Nguyễn Gia Lập	DH21CC			0,75	2	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
4	21154213	Hoàng Xuân Lộc	DH21OT			0,0	1,75	0,25	2,0	0012345678910	0123456789
5	21118297	Lê Phát Tài Lộc	DH21CC			0,0	1,0	0,0	1,0	0012345678910	0123456789
6	21118086	Nguyễn Thiên Lộc	DH21CC			0,5	2,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
7	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC			0,5	0,5	1,3	2,3	0012345678910	0123456789
8	21118301	Nguyễn Thành Luân	DH21CC			1,5	2,3	4,5	8,3	0012345678910	0123456789
9	21118311	Phạm Văn Minh	DH21CC			0,5	1,75	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
10	21118316	Trần Phương Nam	DH21CC			0,0	1,25	0,75	2,0	0012345678910	0123456789
11	18118090	Phan Trung Nghĩa	DH18CC			0,5	2,0	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
12	21118319	Trương Văn Ngọc	DH21CC			0,5	2,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
13	21118320	Nguyễn Khôi Nguyên	DH21CC			0,25	1,0	0,75	2,0	0012345678910	0123456789
14	21118322	Trần Thái Nguyên	DH21CC			0,25	1,75	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
15	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC			0,5	2,0	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
16	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC			1,0	2,0	2,5	5,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02286

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: **Tính học & động lực học**(2071 ⁴⁰)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH21CC_01**

Tổ Thi **002_DH21CC_01**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV201**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21118325	Trần Hoàng Nhân	DH21CC			1,5	2,3	4,5	8,3	0012345678910	0123456789
18	21118327	Nguyễn Trọng Nhất	DH21CC			0,0	0,0	0,5	0,5	0012345678910	0123456789
19	18118100	Dương Thị Tuyết	DH18CC			1,0	2,0	2,0	5,0	0012345678910	0123456789
20	21118336	Lê Quang Phú	DH21CC			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
21	21118348	Phạm Thanh Quang	DH21CC			0,3	1,75	1,25	3,3	0012345678910	0123456789
22	21118345	Đặng Minh Quân	DH21CC			0,0	2,0	0,5	2,5	0012345678910	0123456789
23	21118354	Đinh Văn Quý	DH21CC			0,0	1,3	0,5	1,8	0012345678910	0123456789
24	21118355	Hồ Văn Minh	DH21CC			0,25	1,75	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
25	21118358	Nguyễn Thân Hữu	DH21CC			0,0	2,0	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
26	21118361	Trần Thái Quyền	DH21CC			0,5	1,75	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
27	21118362	Châu Văn Sang	DH21CC			0,0	1,8	1,5	3,3	0012345678910	0123456789
28	21154287	Hồ Nguyễn Hoài Sơn	DH21OT			1,0	2,25	3,75	7,0	0012345678910	0123456789
29	21118365	Nguyễn Thành Sơn	DH21CC			0,0	1,5	0,5	2,0	0012345678910	0123456789
30	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC			0,75	1,5	2,25	5,0	0012345678910	0123456789
31	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK			0,5	2,0	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
32	21118371	Trần Nguyễn Hoàng Tân	DH21CC			0,0	1,5	0,8	2,3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02286

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CC_01

Tổ Thi 002_DH21CC_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21118372	Trần Nhật Tân	DH21CC	Tân		0,5	1,5	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
34	21118376	Lê Thế Thanh	DH21CC	Thanh		1,5	2,0	3,5	7,0	0012345678910	0123456789
35	21118377	Bùi Tiến Thành	DH21CC	Thành		1,0	1,5	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
36	21118374	Nguyễn Huỳnh Quốc Thắng	DH21CC	Quốc		1,0	2,0	3,3	6,3	0012345678910	0123456789
37	18118139	Nguyễn Chí Thiện	DH18CC	Thiện		1,25	2,0	5,75	9,0	0012345678910	0123456789
38	21118384	Nguyễn Ngọc Thuận	DH21CC	Thuận		0,0	1,3	1,0	2,3	0012345678910	0123456789
39	21118385	Mai Duy Thuật	DH21CC	Thuật		0,25	1,75	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
40	18118152	Dương Minh Tiến	DH18CC	Tiến		0,5	2,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
41	21118390	Ngô Hoàng Bảo Tiến	DH21CC	Tiến		0,0	1,5	0,0	1,5	0012345678910	0123456789
42	21118391	Trần Ngọc Tính	DH21CC	Tính		1,0	2,0	2,8	5,8	0012345678910	0123456789
43	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC	Toàn		0,5	2,0	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
44	21118394	Phạm Minh Trí	DH21CC	Trí		0,25	1,8	1,25	3,3	0012345678910	0123456789
45	21118398	Lê Quốc Triệu	DH21CC	Triệu		0,0	1,0	1,0	2,0	0012345678910	0123456789
46	21118402	Trương Quang Trung	DH21CC	Trung		0,75	2,0	4,25	7,0	0012345678910	0123456789
47	21118405	Nguyễn Sơn Trường	DH21CC	Trường		0,5	1,25	2,25	5,0	0012345678910	0123456789
48	21118406	Phạm Văn Trường	DH21CC	Trường		1,5	2,0	5,5	9,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02286

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(207140

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CC_01

Tổ Thi 002_DH21CC_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

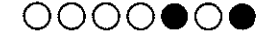
Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	21118407	Nguyễn Anh Tú	DH21CC			4,5	4,75	3,25	6,5	0012345678910	0123456789
50	21118409	Đoàn Nguyễn Anh Tuấn	DH21CC							0012345678910	0123456789
51	21118412	Phạm Trung Tuấn	DH21CC							0012345678910	0123456789
52	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC			0,5	2,0	5,0	7,5	0012345678910	0123456789
53	21154354	Trần Xuân Tuấn	DH21OT			0,25	1,75	0,8	2,8	0012345678910	0123456789
54	21118414	Nguyễn Thanh Tùng	DH21CC			0,0	1,5	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
55	21118416	Huỳnh Nguyễn Duy Tường	DH21CC			0,0	0,5	1,0	1,5	0012345678910	0123456789
56	18118185	Trần Phúc Vinh	DH18CC			1,0	2,0	1,3	4,3	0012345678910	0123456789
57	21118426	Dương Tấn Vũ	DH21CC			0,0	1,5	1,0	2,5	0012345678910	0123456789
58	18118186	Hoàng Long Vũ	DH18CC			4,25	4,75	1,0	4,0	0012345678910	0123456789
59	16137105	Nguyễn Hữu Anh Vũ	DH16NL			1,0	2,0	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
60	21118430	Nguyễn Văn Hoàng Vũ	DH21CC			0,0	1,0	0,3	1,3	0012345678910	0123456789
61	21118431	Trần Quốc Vũ	DH21CC			0,3	1,0	1,0	2,3	0012345678910	0123456789
62	21118433	Đỗ Tiến Vỹ	DH21CC			0,5	2,0	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
63	21118434	Trần Đình Xuân	DH21CC			0,0	1,75	1,75	3,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02286

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071) 40 Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH21CC_01 Tổ Thi 002_DH21CC_01 Tên CBGD Vương Thành Tiên
Ngày Thi 18/07/2022 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi TV201

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 __%	Đ2 __%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	-----------	-----------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 64 Số sinh viên vắng2

Ngày 15 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Thị Tiên Hạnh

Ngô Thanh Trung

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Vũ Đức Tiến



Mã nhận dạng 02287

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21CD_02**

Tổ Thi **001_DH21CD_02**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD205**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21153104	Nguyễn Vũ Hoài An	DH21CD		✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	21153005	Trần Duy Bình	DH21CD	Bình		0,0	1,5	2,0	3,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	21153114	Hồ Công Danh	DH21CD	Danh		0,0	1,75	4,25	3,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	21153121	Phạm Đăng Duy	DH21CD	ĐD		0,0	2,0	1,3	3,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	21153122	Trần Huỳnh Duy	DH21CD		✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	21153120	Lê Văn Dưỡng	DH21CD	DV		1,25	2,0	1,25	4,15	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	21153103	Nguyễn Thạch Quốc Đạt	DH21CD	ĐD		0,0	1,75	0,75	2,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	21153113	Trần Khải Đăng	DH21CD	ĐD		0,5	1,75	4,25	3,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	21153123	Lê Đình Mạnh Hà	DH21CD	Hà		0,75	1,75	1,0	3,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	21153124	Huỳnh Phan Thanh Hải	DH21CD	Hải		0,0	1,25	1,25	3,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	21153125	Nguyễn Ngọc Hải	DH21CD	Hải		0,0	2,0	0,8	2,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	21153126	Nguyễn Phong Hào	DH21CD	Ph		0,0	2,3	4,0	6,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	21153127	Hà Huy Hậu	DH21CD		(Cán thi)					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	21153128	Bùi Trọng Hiếu	DH21CD	HT		0,0	2,25	1,25	3,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	21153129	Nguyễn An Anh Hòa	DH21CD	HA		0,75	2,25	4,5	4,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	21153131	Bành Quốc Hoàng	DH21CD	hà		1,25	2,25	3,5	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02287

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CD_02

Tổ Thi 001_DH21CD_02

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21153132	Nguyễn Bảo Ngọc	Hoàng	DH21CD		1,0	2,25	2,25	4,0	0012345678910	0123456789
18	21153022	Đặng Lê Quang	Huy	DH21CD		0,0	0,8	0,5	1,3	0012345678910	0123456789
19	21153023	Đặng Nhật	Huy	DH21CD		1,0	2,25	0,75	4,0	0012345678910	0123456789
20	21153026	Lê Hoàng	Huy	DH21CD		2,25	2,25	2,5	6,0	0012345678910	0123456789
21	21153139	Nguyễn Quốc	Huy	DH21CD		0,75	4,0	4,75	6,5	0012345678910	0123456789
22	21153135	Nguyễn Tiến	Hưng	DH21CD		1,0	1,25	0,25	2,0	0012345678910	0123456789
23	21153136	Trần Võ Chấn	Hưng	DH21CD		0,0	1,0	0,0	1,0	0012345678910	0123456789
24	21153141	Phạm Hữu	Khan	DH21CD		1,0	2,0	2,0	5,0	0012345678910	0123456789
25	21153030	Phạm Thành	Khang	DH21CD		0,25	2,25	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
26	21153143	Trần Quốc	Khánh	DH21CD		1,5	2,3	5,0	8,8	0012345678910	0123456789
27	21154201	Bùi Thanh	Khuyên	DH21OT		0,25	1,8	3,75	5,8	0012345678910	0123456789
28	21153035	Đặng Thế	Kiên	DH21CD	(cấp thi)					0012345678910	0123456789
29	21153146	Quách Đăng	Kiên	DH21CD		0,5	1,8	1,0	3,3	0012345678910	0123456789
30	21153038	Cao Tuấn	Kiệt	DH21CD		0,0	1,5	0,0	1,5	0012345678910	0123456789
31	21153041	Trần Tuấn	Kiệt	DH21CD		1,0	1,8	0,5	3,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02287

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH21CD_02 Tổ Thi 001_DH21CD_02 Tên CBGD Vương Thành Tiên
Ngày Thi 18/07/2022 Giờ Thi 09:45 Phòng Thi HD205

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

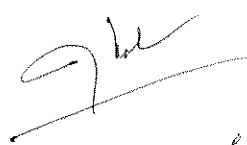
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

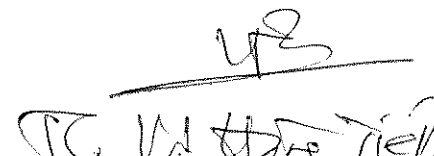
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Vương Thành Tiên


Võ Huy Thước


TS. Nguyễn Đức Khuyển


TS. Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 02288

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CD_02

Tổ Thi 002_DH21CD_02

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21153148	Đoàn Khắc Luân	DH21CD			1,0	1,75	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
2	21153151	Trần Đức Mạnh	DH21CD			0,5	2,3	2,0	4,8	0012345678910	0123456789
3	21153049	Trần Xuân Mạnh	DH21CD			0,0	2,25	0,75	3,0	0012345678910	0123456789
4	21153149	Hồ Xuân Mẫn	DH21CD			0,25	2,0	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
5	21153155	Đỗ Duy Nam	DH21CD			1,5	2,25	4,25	8,0	0012345678910	0123456789
6	21153158	Phạm Trọng Nghĩa	DH21CD			1,3	1,5	3,0	5,8	0012345678910	0123456789
7	21153159	Trịnh Trung Nghĩa	DH21CD			0,5	2,25	1,25	4,5	0012345678910	0123456789
8	21153162	Phạm Quốc Nguyên	DH21CD			0,0	2,25	0,75	3,0	0012345678910	0123456789
9	21153163	Ngô Hoàng Nhạc	DH21CD			0,0	1,8	0,5	2,3	0012345678910	0123456789
10	21153164	Bùi Đình Nhân	DH21CD			1,0	2,3	1,0	4,3	0012345678910	0123456789
11	21153165	Nguyễn Viết Thành Nhân	DH21CD			0,75	1,0	2,25	4,0	0012345678910	0123456789
12	21153166	Trần Thanh Nhân	DH21CD			1,25	2,25	3,0	6,5	0012345678910	0123456789
13	21153168	Trần Minh Nhật	DH21CD			1,0	2,25	2,75	6,0	0012345678910	0123456789
14	21153169	Cao Hạo Nhiên	DH21CD			0,0	2,3	1,0	3,3	0012345678910	0123456789
15	21153171	Nguyễn Thanh Phát	DH21CD			0,25	2,25	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
16	21153057	Đào Trường Phúc	DH21CD			0,0	1,5	0,0	1,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02288

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CD_02

Tổ Thi 002_DH21CD_02

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21153174	Nguyễn Hoàng Phúc	DH21CD	<i>Phuc</i>	(cánh thi)					0012345678910	0123456789
18	21153176	Phạm Dương Tâm Phước	DH21CD	<i>Phuoc</i>		1,0	2,3	3,0	6,3	0012345678910	0123456789
19	21153177	Phan Phước	DH21CD	<i>Phuoc</i>		0,5	1,0	1,3	2,8	0012345678910	0123456789
20	21153178	Nguyễn Văn Phương	DH21CD	<i>Phuoc</i>		0,0	2,3	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
21	21153059	Nguyễn Minh Quân	DH21CD	<i>Quoc</i>		0,8	2,0	0,0	2,8	0012345678910	0123456789
22	21153181	Vô Văn Quý	DH21CD	<i>Quoc</i>		1,25	2,0	2,25	5,5	0012345678910	0123456789
23	21153182	Nguyễn Minh Quốc	DH21CD	<i>Quoc</i>		0,0	2,25	1,25	3,5	0012345678910	0123456789
24	21153185	Nguyễn Thanh Tân	DH21CD	<i>Tan</i>		0,5	2,3	1,0	3,8	0012345678910	0123456789
25	21153186	Trần Gia Tân	DH21CD	<i>Tan</i>		0,8	2,25	2,25	5,3	0012345678910	0123456789
26	21153187	Đặng Danh Thái	DH21CD	<i>Thai</i>		0,5	0,5	1,0	2,0	0012345678910	0123456789
27	21153189	Phùng Nhật Thanh	DH21CD	<i>Thanh</i>		0,0	0,0	0,5	0,5	0012345678910	0123456789
28	21153190	Huỳnh An Thạnh	DH21CD		(cánh thi)					0012345678910	0123456789
29	21153188	Phạm Ngọc Thắng	DH21CD	<i>Thang</i>		1,5	2,25	4,25	8,0	0012345678910	0123456789
30	21153191	Lê Đình Thế	DH21CD	<i>The</i>		0,0	1,8	1,5	3,3	0012345678910	0123456789
31	21153193	Phạm Đình Thịnh	DH21CD	<i>The</i>		0,5	2,3	2,5	5,3	0012345678910	0123456789
32	21153194	Trần Duy Thịnh	DH21CD	<i>The</i>		0,0	2,25	3,25	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02288

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CD_02

Tổ Thi 002_DH21CD_02

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21153073	Huỳnh Thái Thuận	DH21CD	<i>Thua</i>		0,25	2,3	1,75	4,3	0012345678910	0123456789
34	21153198	Nguyễn Chánh Thuận	DH21CD		(cấm thi)					0012345678910	0123456789
35	21153201	Nguyễn Toàn Tiến	DH21CD	<i>Thy</i>		0,25	1,3	1,25	2,8	0012345678910	0123456789
36	21153204	Trần Minh Tới	DH21CD	<i>Thy</i>		0,25	2,25	0,0	2,5	0012345678910	0123456789
37	21153205	Nguyễn Thị Thùy Trang	DH21CD	<i>Thy</i>		1,25	1,75	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
38	21153206	Huỳnh Minh Triết	DH21CD	<i>Thy</i>		0,0	2,0	0,0	2,0	0012345678910	0123456789
39	21153207	Phan Quốc Triệu	DH21CD	<i>Thy</i>		0,0	1,0	0,0	1,0	0012345678910	0123456789
40	21153208	Ngô Huỳnh Trọng	DH21CD	<i>Thy</i>		0,0	2,25	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
41	21153209	Phạm Quốc Trung	DH21CD	<i>Thy</i>		0,5	2,0	0,5	3,0	0012345678910	0123456789
42	21153210	Nguyễn Minh Trường	DH21CD	<i>Thy</i>		0,0	2,25	0,75	3,0	0012345678910	0123456789
43	21153212	Mai Đăng Tuấn	DH21CD		✓					0012345678910	0123456789
44	21153094	Nguyễn Đức Tuấn	DH21CD	<i>Thy</i>		1,0	2,3	3,5	6,8	0012345678910	0123456789
45	21153217	Lê Thái Anh Văn	DH21CD	<i>Thy</i>		0,0	2,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
46	21153222	Trần Hoàng Vũ	DH21CD	<i>Thy</i>		0,0	1,0	1,0	2,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02288

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(2071 40) Số Tin Ch 3
Nhóm Thi DH21CD_02 Tổ Thi 002_DH21CD_02 Tên CBGD Vương Thành Tiên
Ngày Thi 18/07/2022 Giờ Thi 09:45 Phòng Thi CT101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 43 Số sinh viên vắng ...3..

Ngày 15 Tháng 08 Năm 2022

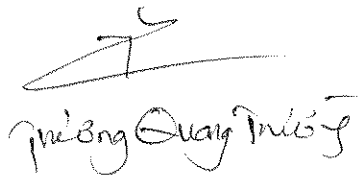
Cán bộ coi thi 1

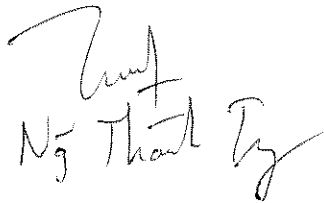
Cán bộ coi thi 2

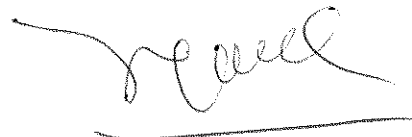
Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

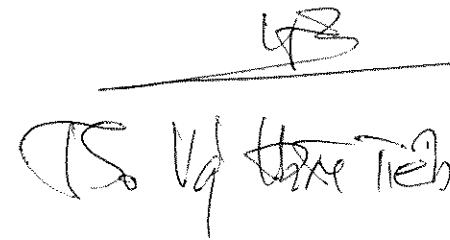
Cán Bộ Chấm Thi 2


Phường Quang Minh


Nguyễn Thanh Ty



TS. Nguyễn Đức Khuyến


TS. Lê Thị Thanh

Ngày in : 20/06/2022



Mã nhận dạng 02289

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CD_03

Tổ Thi 001_DH21CD_03

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD204

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh An	DH18CD			0,8	7,0	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
2	18154001	Quách Trường An	DH18OT			0,5	2,5	4,5	7,5	0012345678910	0123456789
3	18153003	Đình Quốc Bảo	DH18CD			1,5	1,75	4,75	8,0	0012345678910	0123456789
4	18118010	Nguyễn Hoàng Chính	DH18CK			0,25	1,25	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
5	21153111	Trần Kỳ Cương	DH21CD			(cần thi)				0012345678910	0123456789
6	19154023	Nguyễn Tấn Dầu	DH19OT			0,5	1,3	5,5	7,3	0012345678910	0123456789
7	18118023	Nguyễn Tấn Diện	DH18CK			1,25	1,25	4,5	7,0	0012345678910	0123456789
8	18154027	Đình Quốc Dũng	DH18OT			1,0	2,25	0,75	4,0	0012345678910	0123456789
9	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT			0,5	2,25	2,75	5,5	0012345678910	0123456789
10	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK			0,25	1,75	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
11	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT			1,0	1,75	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
12	21153115	Đỗ Lê Thành Đạt	DH21CD			0,0	1,3	1,5	2,8	0012345678910	0123456789
13	21153116	Lê Văn Thành Đạt	DH21CD			0,5	1,5	0,0	2,0	0012345678910	0123456789
14	19118061	Lê Lý Hậu	DH19CC			1,0	2,0	4,0	7,0	0012345678910	0123456789
15	21153130	Trần Hữu Hòa	DH21CD			0,75	2,25	4,0	7,0	0012345678910	0123456789
16	21153133	Nguyễn Thái Hoàng	DH21CD			0,5	1,8	1,0	3,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02289

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CD_03

Tổ Thi 001_DH21CD_03

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD204

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21153134	Trần Huy	Hoàng	DH21CD	<i>Hoàng</i>	0,5	1,2	3,5	5,8	0012345678910	0123456789
18	19118094	Nguyễn Nam	Huy	DH19CC	<i>Nguyễn</i>	0,75	1,3	3,75	5,8	0012345678910	0123456789
19	18118049	Nguyễn Thành	Huy	DH18CK	<i>Nguyễn</i>	0,0	1,75	0,25	2,0	0012345678910	0123456789
20	18154041	Nguyễn Minh	Hung	DH18OT	<i>Nguyễn</i>	0,0	2,3	0,5	2,8	0012345678910	0123456789
21	18118055	Lê Minh	Khang	DH18CK	<i>Lê</i>	0,5	1,75	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
22	19154071	Võ Minh	Khang	DH19OT	<i>Võ</i>	0,75	2,25	1,0	4,0	0012345678910	0123456789
23	21153144	Nguyễn Anh	Khoa	DH21CD	<i>Khoa</i>	1,5	2,5	4,0	8,0	0012345678910	0123456789
24	19154076	Trần Anh	Khoa	DH19OT	<i>Trần</i>	0,5	2,3	0,0	2,8	0012345678910	0123456789
25	21153145	Võ Đăng	Khoa	DH21CD						0012345678910	0123456789
26	21153034	Nguyễn Minh	Khôi	DH21CD	<i>Nguyễn</i>	0,0	1,0	1,0	2,0	0012345678910	0123456789
27	19118116	Lâm Văn	La	DH19CC	<i>Lâm</i>	0,75	1,75	0,5	3,0	0012345678910	0123456789
28	21153043	Trương Ngọc	Lâm	DH21CD	<i>Trương</i>	0,0	1,5	0,0	1,5	0012345678910	0123456789
29	18154066	Lưu Kim	Long	DH18OT	<i>Lưu</i>	0,0	2,25	2,75	5,0	0012345678910	0123456789
30	18118074	Nguyễn Phi	Long	DH18CK	<i>Nguyễn</i>	0,0	1,8	1,0	2,8	0012345678910	0123456789
31	18153043	Nguyễn Thành	Long	DH18CD	<i>Nguyễn</i>	0,5	1,75	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
32	18154068	Phạm Kim	Long	DH18OT	<i>Phạm</i>	0,5	2,25	3,25	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02289

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CD_03

Tổ Thi 001_DH21CD_03

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD204

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK	Long		0,5	1,75	0,75	3,0	0012345678910	0123456789
34	21153150	Phan Đức Mạnh	DH21CD	Nh		1,0	2,0	2,3	5,3	0012345678910	0123456789
35	19154092	Trần Đức Mạnh	DH19OT	Minh		1,0	1,5	2,0	4,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 33. Số sinh viên vắng 21.

Ngày 15 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngô Thị Phương Thảo

Phan Minh Kiên

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 02290

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21CD_03**

Tổ Thi **002_DH21CD_03**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21153152	Ngô Đức Minh	DH21CD			0,0	2,0	0,3	2,3	0012345678910	0123456789
2	21153153	Nguyễn Quang Minh	DH21CD			0,0	1,5	0,5	2,0	0012345678910	0123456789
3	19154095	Nguyễn Xuân Minh	DH19OT		✓	(Cấm thi)				0012345678910	0123456789
4	21153154	Tạ Nhật Minh	DH21CD			0,0	2,3	0,0	2,3	0012345678910	0123456789
5	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK		✓					0012345678910	0123456789
6	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT			0,0	2,3	0,0	2,3	0012345678910	0123456789
7	21153156	Phan Hoài Nam	DH21CD		✓					0012345678910	0123456789
8	21153161	Nguyễn Hoàng Nguyên	DH21CD			0,0	1,5	1,5	3,0	0012345678910	0123456789
9	18154086	Võ Đình Nhân	DH18OT			0,0	0,5	1,5	2,0	0012345678910	0123456789
10	21153167	Huỳnh Minh Nhật	DH21CD			0,75	2,25	3,0	6,5	0012345678910	0123456789
11	21153052	Phạm Hồng Nhật	DH21CD			0,0	2,3	0,5	2,8	0012345678910	0123456789
12	21153170	Nguyễn Minh Nhựt	DH21CD			1,0	2,3	2,0	5,3	0012345678910	0123456789
13	19153053	Nguyễn Vương Nhựt	DH19CD			0,25	1,3	2,25	4,3	0012345678910	0123456789
14	21153053	Nguyễn Hữu Phát	DH21CD			0,0	1,5	1,0	2,5	0012345678910	0123456789
15	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK			1,5	2,0	3,0	6,5	0012345678910	0123456789
16	21154261	Trần Thanh Phong	DH21OT		✓	(Cấm thi)				0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02290

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CD_03

Tổ Thi 002_DH21CD_03

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21154265	Lê Thiên	Phú	DH21OT	<i>Phu</i>	0,25	2,3	0,75	3,3	0012345678910	0123456789
18	21153173	Nguyễn Đình	Phúc	DH21CD	<i>Phu</i>	0,0	2,0	4,0	3,0	0012345678910	0123456789
19	18118109	Nguyễn Huỳnh	Phúc	DH18CK	<i>Phu</i>	0,25	2,0	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
20	21153175	Phan Thanh Vĩnh	Phúc	DH21CD		✓				0012345678910	0123456789
21	18154102	Lý Trung	Quân	DH18OT	<i>Qua</i>	1,5	2,0	2,0	5,5	0012345678910	0123456789
22	21153179	Nguyễn Đoàn Minh	Quân	DH21CD	<i>Qua</i>	0,0	0,0	0,3	0,3	0012345678910	0123456789
23	19118186	Nguyễn Ngọc	Quân	DH19CC	<i>Qua</i>	0,0	1,25	2,75	4,5	0012345678910	0123456789
24	18154105	Đình Hoàng	Sơn	DH18OT	<i>Phu</i>	0,5	2,0	1,8	4,3	0012345678910	0123456789
25	21153183	Võ Công	Sơn	DH21CD	<i>Phu</i>	0,25	1,8	2,75	5,3	0012345678910	0123456789
26	21153184	Trần Nguyễn Phúc	Tâm	DH21CD	<i>Tam</i>	0,8	2,0	0,5	3,3	0012345678910	0123456789
27	18154114	Nguyễn Quốc	Thắng	DH18OT		✓				0012345678910	0123456789
28	18118138	Đặng Đoàn Minh	Thi	DH18CK	<i>Thi</i>	1,25	2,3	5,25	8,8	0012345678910	0123456789
29	18118140	Nguyễn Ngọc	Thiện	DH18CK	<i>Thi</i>	0,5	2,0	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
30	21153072	Nguyễn Văn Vạn	Thọ	DH21CD	<i>Thi</i>	0,0	1,8	1,0	2,8	0012345678910	0123456789
31	21153197	Biện Phước	Thuận	DH21CD	<i>Thi</i>	1,0	0,8	1,5	3,3	0012345678910	0123456789
32	21153076	Tô Hoàng	Thương	DH21CD	<i>Thi</i>	0,0	1,25	1,25	3,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02290

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CD_03

Tổ Thi 002_DH21CD_03

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21153080	Nguyễn Vĩnh	Tiến			0,0	1,0	0,0	1,0	00012345678910	0123456789
34	21153202	Võ Ngọc	Tin			0,3	1,5	1,0	2,8	00012345678910	0123456789
35	18154125	Nguyễn Văn	Toàn			1,25	2,3	1,25	5,3	00012345678910	0123456789
36	17137072	Nguyễn Hoàng Anh	Tri			0,0	2,3	0,0	2,3	00012345678910	0123456789
37	18118162	Đỗ Văn	Triệu			0,25	2,3	1,75	4,3	00012345678910	0123456789
38	18118175	Nguyễn Văn Minh	Tuấn			0,0	1,5	1,0	2,5	00012345678910	0123456789
39	21153215	Nguyễn Hoàng	Tùng			0,25	1,25	1,0	2,5	00012345678910	0123456789
40	21153216	Lê Khánh	Văn			0,0	1,3	0,5	1,8	00012345678910	0123456789
41	21153219	Nguyễn Hoàng	Việt			1,25	1,75	0,5	3,5	00012345678910	0123456789
42	21154358	Lê Thế	Vinh			0,5	1,8	1,0	3,3	00012345678910	0123456789
43	21153100	Cai Thành	Vũ			0,25	2,3	2,75	5,8	00012345678910	0123456789
44	21153223	Khấu Đoàn Thành	Vương		V	(còn thi)				00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02290

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CD_03

Tổ Thi 002_DH21CD_03

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 37. Số sinh viên vắng 07

Ngày 15 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Phóng

Đặng Văn Dương

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 02291

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071) 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CK_04

Tổ Thi 001_DH21CK_04

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21118168	Vũ Đình Đông An	DH21CK	An		0,0	2,3	0,0	2,3	0012345678910	0123456789
2	21118180	Nguyễn Văn Buól	DH21CK	Buól		0,0	2,3	0,5	2,8	0012345678910	0123456789
3	21118186	Trần Ngạn	DH21CK		✓	(cấm thi)				0012345678910	0123456789
4	21118189	Nguyễn Quốc Cường	DH21CK	Cường		0,0	1,3	1,0	2,3	0012345678910	0123456789
5	21118190	Nguyễn Quốc Cường	DH21CK	Cu		0,0	2,3	1,0	3,3	0012345678910	0123456789
6	21118195	Bùi Đại Danh	DH21CC		✓					0012345678910	0123456789
7	21118196	Nguyễn Văn Danh	DH21CK		✓	(cấm thi)				0012345678910	0123456789
8	21118214	Dương Nhất Duy	DH21CK		✓					0012345678910	0123456789
9	21118217	Nguyễn Bảo Duy	DH21CK	Duy		0,0	2,3	0,5	2,8	0012345678910	0123456789
10	21118218	Nguyễn Ngọc Duy	DH21CK	Duy		0,5	2,25	0,75	3,5	0012345678910	0123456789
11	21118043	Trần Khánh Duy	DH21CK			0,75	2,25	0,0	3,0	0012345678910	0123456789
12	21118211	Hà Lâm Văn Dương	DH21CK		✓					0012345678910	0123456789
13	21118198	Dương Đức Đạo	DH21CK	Đạo		0,0	1,8	0,0	1,8	0012345678910	0123456789
14	21118204	Vũ Tiến Đạt	DH21CK	Đạt		0,0	1,8	0,5	2,3	0012345678910	0123456789
15	21118206	Tô Phạm Hữu Đức	DH21CK	Đức		0,0	2,25	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
16	21118227	Võ Hoàng Hào	DH21CK	Hào		0,0	1,75	0,25	2,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02291

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CK_04

Tổ Thi 001_DH21CK_04

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21118050	Lê Trần Phúc	Hậu	DH21CK	✓	(cân thi)				0012345678910	0123456789
18	21118230	Hoa Xoài	Hên	DH21CK	Hên	0,75	2,25	1,0	4,0	0012345678910	0123456789
19	21118232	Cao Thái	Hiên	DH21CK	Hiên	0,0	2,3	1,0	3,3	0012345678910	0123456789
20	18153022	Nguyễn Văn Minh	Hiếu	DH18CD	Hu	0,25	1,8	1,25	3,3	0012345678910	0123456789
21	21118235	Phạm Minh	Hiếu	DH21CK	Phu	0,0	2,3	0,5	2,8	0012345678910	0123456789
22	21118237	Hứa Minh	Hòa	DH21CK	Hoi	0,0	1,25	0,25	2,0	0012345678910	0123456789
23	21118238	Nguyễn Phúc	Hòa	DH21CK	Hu	0,75	2,3	1,25	4,3	0012345678910	0123456789
24	21118240	Đỗ Cao Huy	Hoàng	DH21CK	Huy	0,0	1,25	0,25	2,0	0012345678910	0123456789
25	21118248	Nguyễn Thế	Hùng	DH21CK	Hung	1,5	2,0	3,5	7,0	0012345678910	0123456789
26	21118255	Hồ Quốc	Huy	DH21CK	Hu	0,0	1,0	0,3	1,3	0012345678910	0123456789
27	21118259	Nguyễn Trần Gia	Huy	DH21CK	Hu	0,0	2,25	2,75	5,0	0012345678910	0123456789
28	21118265	Hồ Thị Như	Huỳnh	DH21CK	Hu	0,0	1,8	1,0	2,8	0012345678910	0123456789
29	21118062	Ngô Trí	Hưng	DH21CK	Hu	0,5	1,5	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
30	21118253	Trần Tiến	Hưng	DH21CK	Hu	0,0	2,3	1,0	2,3	0012345678910	0123456789
31	21118073	Lê Đình	Khả	DH21CK	Hu	0,0	1,5	0,0	1,5	0012345678910	0123456789
32	21118268	Nguyễn Ngọc	Khang	DH21CK	Hu	1,0	2,3	3,5	6,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02291

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071) 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CK_04

Tổ Thi 001_DH21CK_04

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21118270	Nguyễn Văn Khánh	DH21CK			0,5	1,5	4,5	3,5	0012345678910	0123456789
34	21118271	Danh Võ Anh	DH21CK			0,5	2,25	1,5	4,5	0012345678910	0123456789
35	21118278	Nông Trung Kiên	DH21CK			0,5	4,8	0,5	2,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 29 Số sinh viên vắng 6

Ngày 15 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 02292

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21CK_04**

Tổ Thi **002_DH21CK_04**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **CT102**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21118280	Bùi Tuấn	Kiệt	DH21CK		1,0	1,75	3,25	6,0	0012345678910	0123456789
2	21118281	Đào Duy	Kiệt	DH21CK		1,0	2,3	5,0	8,3	0012345678910	0123456789
3	21118282	Nguyễn Tuấn	Kiệt	DH21CK		0,75	2,25	2,0	5,0	0012345678910	0123456789
4	21118293	Trương Duy	Lành	DH21CK		0,5	2,0	0,5	3,0	0012345678910	0123456789
5	21118289	Lý Nhật	Lâm	DH21CK		0,0	2,0	0,5	2,5	0012345678910	0123456789
6	21118291	Nguyễn Hoàng	Lâm	DH21CK		1,0	2,5	0,5	4,0	0012345678910	0123456789
7	21118292	Nguyễn Sơn	Lâm	DH21CK	(cấm thi)					0012345678910	0123456789
8	18154060	Nguyễn Văn Chí	Lâm	DH18OT		1,5	2,0	2,5	6,0	0012345678910	0123456789
9	18154061	Chu Phú	Lân	DH18OT		0,5	1,75	2,25	5,0	0012345678910	0123456789
10	21118296	Châu Vũ	Lộc	DH21CK						0012345678910	0123456789
11	21118300	Nguyễn Quý	Luân	DH21CK		1,5	2,3	0,5	4,3	0012345678910	0123456789
12	21118303	Ngô Minh	Mẫn	DH21CK		0,3	2,0	0,5	2,8	0012345678910	0123456789
13	19118143	Lê Công	Minh	DH19CK		0,25	1,75	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
14	21118309	Nguyễn Văn	Minh	DH21CK		0,75	2,0	1,75	4,5	0012345678910	0123456789
15	21118313	Đổng Hữu	Nam	DH21CK	(cấm thi)					0012345678910	0123456789
16	21118314	Nguyễn Trần Phương	Nam	DH21CK		0,0	2,3	0,0	2,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02292

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CK_04

Tổ Thi 002_DH21CK_04

Tên CBGD Vương Thành Tiên

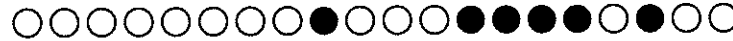
Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21118315	Phan Thành	Nam	Nam		1,25	2,25	4,5	8,0	0012345678910	0123456789
18	18154073	Tạ Hoàng	Nam	Nam		1,0	1,75	1,75	4,5	0012345678910	0123456789
19	21118324	Nguyễn Hiếu	Nhân		✓					0012345678910	0123456789
20	21118329	Phạm Anh	Nhật	A		0,0	1,8	0,5	2,3	0012345678910	0123456789
21	21118104	Trần Hồ Anh	Nhật	Chau		0,0	1,8	0,0	1,8	0012345678910	0123456789
22	21118331	Phạm Kim	Niên	run		0,0	2,0	0,5	2,5	0012345678910	0123456789
23	21118107	Lý Huỳnh Tấn	Phát	Phu		0,3	1,0	1,0	2,3	0012345678910	0123456789
24	21118335	Nguyễn Trần Thanh	Phong	ps		1,5	1,75	4,25	7,5	0012345678910	0123456789
25	21118338	Đoàn Đại	Phúc	Th		0,25	1,25	1,5	3,0	0012345678910	0123456789
26	18153054	Nguyễn Tấn	Phúc	92		1,5	2,25	4,75	8,5	0012345678910	0123456789
27	21118343	Võ Đình	Phúc	ps		1,5	2,3	4,5	8,3	0012345678910	0123456789
28	21118344	Huỳnh Nam	Phương	th		0,0	0,5	0,5	1,0	0012345678910	0123456789
29	21118347	Lê Nhật	Quang	th		0,75	2,25	4,0	7,0	0012345678910	0123456789
30	21118346	Đỗ Hoàng	Quân	Chau		0,0	2,3	1,0	3,3	0012345678910	0123456789
31	21118352	Nguyễn Văn	Quốc	Ani		0,3	1,5	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
32	21118359	Trần Thành	Quý	th		0,75	1,75	1,5	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02292

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CK_04

Tổ Thi 002_DH21CK_04

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21118360	Nguyễn Công Duy	Quý	DH21CK		0,0	2,0	3,8	5,8	0012345678910	0123456789
34	21118121	Dùng Thanh	Sang	DH21CK		0,0	1,5	1,3	2,8	0012345678910	0123456789
35	21118138	Hà Xuân	Thịnh	DH21CK	(cơ sở thi)					0012345678910	0123456789
36	21118387	Đỗ Nguyễn Hữu	Tiến	DH21CK		0,0	1,0	0,5	1,5	0012345678910	0123456789
37	21118388	Lê Nguyễn Tân	Tiến	DH21CK		1,25	2,25	3,5	7,0	0012345678910	0123456789
38	21118389	Lê Nhật	Tiến	DH21CK	(cơ sở thi)					0012345678910	0123456789
39	21118393	Trần Quang	Tốt	DH21CK		0,25	2,25	0,5	3,0	0012345678910	0123456789
40	19153087	Đặng Nguyễn Thành	Trung	DH19CD		1,0	2,0	3,3	6,3	0012345678910	0123456789
41	21118411	Phạm Hữu Thanh	Tuấn	DH21CK		1,0	2,0	4,0	7,0	0012345678910	0123456789
42	21118413	Trần Hoàng Anh	Tuấn	DH21CK		0,5	1,5	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
43	21118424	Cao Văn	Vũ	DH21CK		0,5	2,25	4,75	7,5	0012345678910	0123456789
44	21118163	Dương Hàn	Vũ	DH21CK		1,0	2,25	3,25	7,0	0012345678910	0123456789
45	21118435	Nguyễn Vũ Hải	Yến	DH21CK		0,0	1,8	0,5	2,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02292

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: **Tính học & động lực học**(2071 40) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi **DH21CK_04** Tổ Thi **002_DH21CK_04** Tên CBGD **Vương Thành Tiên**
Ngày Thi **18/07/2022** Giờ Thi **07:30** Phòng Thi **CT102**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 40. Số sinh viên vắng 5...

Ngày 15 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

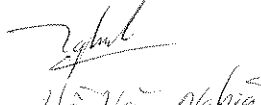
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Lê Quang Vinh


Hồ Văn Nghĩa



TS. Nguyễn Đức Khuyến


TS. Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 02293

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CK_05

Tổ Thi 001_DH21CK_05

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

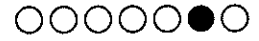
Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

HD204

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21154118	Trần Tuấn An	DH21OT							0012345678910	0123456789
2	21118170	Lê Quốc Anh	DH21CK	Anh.		0,0	4,0	1,5	2,5	0012345678910	0123456789
3	21118174	Huỳnh Minh Bảo	DH21CK	Bao	(cấm thi)					0012345678910	0123456789
4	19118011	Ngô Quốc Bảo	DH19CK	Bao		0,5	2,25	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
5	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc Bảo	DH19CC	Bao		0,0	4,75	4,25	3,0	0012345678910	0123456789
6	19118013	Nguyễn Tiểu Bảo	DH19CC	Bao		0,0	4,75	4,25	3,0	0012345678910	0123456789
7	19154007	Nguyễn Văn Bình	DH19OT	Binh		4,25	4,5	1,75	4,5	0012345678910	0123456789
8	21137050	Đặng Mậu Quốc Cảnh	DH21NL	Canh		0,0	4,8	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
9	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT	Canh		1,0	4,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
10	19118024	Đậu Thành Công	DH19CC	Con		0,0	2,0	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
11	21118185	Nguyễn Ngọc Cương	DH21CK	Cung		0,0	0,75	0,25	1,0	002345678910	0123456789
12	19118030	Chế Nguyễn Văn Danh	DH19CK	Danh		0,75	2,25	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
13	19118048	Dương Hoàng Duy	DH19CC	Duy		1,25	2,5	3,25	7,0	0012345678910	0123456789
14	21118215	Lương Hoàng Anh Duy	DH21CK		(cấm thi)					0012345678910	0123456789
15	21118199	Đào Đức Đạt	DH21CK		(cấm thi)					0012345678910	0123456789
16	21118200	Hoàng Văn Đạt	DH21CK	Dat		0,5	0,5	0,3	1,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02293

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CK_05

Tổ Thi 001_DH21CK_05

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD204

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21118194	Đào Hải	Đãng	DH21CK		0,5	2,25	5,25	8,0	0012345678910	0123456789
18	19118039	Bùi Ngọc	Điệp	DH19CC		0,25	2,25	4,5	4,0	0012345678910	0123456789
19	19118040	Lê Văn	Đô	DH19CK		1,0	1,8	3,0	5,8	0012345678910	0123456789
20	19154026	Ngô Huỳnh	Đức	DH19OT		1,5	2,3	2,0	5,8	0012345678910	0123456789
21	19154029	Nguyễn Việt	Đức	DH19OT		0,0	1,5	1,5	3,0	0012345678910	0123456789
22	19118042	Trần Hữu	Đức	DH19CK		0,5	4,25	0,8	3,0	0012345678910	0123456789
23	21118226	Nguyễn Hoàng	Hào	DH21CK		0,0	0,0	0,0	0,0	0012345678910	0123456789
24	21118228	Nguyễn Công	Hậu	DH21CK		0,0	0,0	0,0	0,0	0012345678910	0123456789
25	19154049	Trần Văn	Hòa	DH19OT						0012345678910	0123456789
26	21118242	Nguyễn Duy	Hoàng	DH21CK						0012345678910	0123456789
27	19118088	Hà Quang	Huy	DH19CK		1,5	2,0	0,5	4,0	0012345678910	0123456789
28	21118257	Nguyễn Chánh	Huy	DH21CK		1,5	2,0	3,8	7,3	0012345678910	0123456789
29	19118081	Ngô Trung	Hưng	DH19CK		1,0	1,75	2,25	5,0	0012345678910	0123456789
30	19118082	Nguyễn Cao	Hưng	DH19CC		0,25	2,3	1,75	4,3	0012345678910	0123456789
31	21118252	Trần Nguyễn	Hưng	DH21CK		0,8	2,0	2,5	5,3	0012345678910	0123456789
32	21126368	Nguyễn Văn	Khải	DH21OT		0,0	1,75	4,25	3,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02293

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CK_05

Tổ Thi 001_DH21CK_05

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD204

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154074	Trần Công Khánh	DH19OT			0,75	1,8	1,75	4,3	0012345678910	0123456789
34	19153034	Chu Trương Đăng Khôi	DH19CD			0,8	1,75	0,75	3,3	0012345678910	0123456789
35	19118111	Đặng Hoàng Kiệt	DH19CK			0,75	4,25	3,0	5,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 30. Số sinh viên vắng 5...

Ngày 15 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngô Thị Phương Thảo

Phạm Minh Hiền

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Võ Văn Tiến



Mã nhận dạng 02294

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CK_05

Tổ Thi 002_DH21CK_05

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21118084	Lê Hoàng Lâm	DH21CK			0,0	1,75	1,25	3,0	0012345678910	0123456789
2	19154083	Nguyễn Bảo Lâm	DH19OT			0,75	1,3	0,75	2,8	0012345678910	0123456789
3	19118117	Nguyễn Trường Lâm	DH19CC		✓					0012345678910	0123456789
4	19118127	Nguyễn Bình Lộc	DH19CK			1,3	1,5	3,0	5,8	0012345678910	0123456789
5	21118298	Trần Hà Trung Lợi	DH21CK			0,0	1,3	0,0	1,3	0012345678910	0123456789
6	21118302	Phan Minh Luân	DH21CK		✓	(cấm thi)				0012345678910	0123456789
7	19153041	Đặng Sơn Minh	DH19CD			1,5	2,0	4,5	8,0	0012345678910	0123456789
8	19154096	Nguyễn Hà Phương Nam	DH19OT		✓					0012345678910	0123456789
9	19154097	Nguyễn Hoàng Nam	DH19OT			1,0	1,75	1,25	4,5	0012345678910	0123456789
10	19118154	Phạm Minh Nghĩa	DH19CC			1,5	2,25	2,25	6,0	0012345678910	0123456789
11	19118158	Lê Hoàng Minh Ngọc	DH19CK			0,8	0,0	2,0	2,8	0012345678910	0123456789
12	19154105	Nguyễn Xuân Nhân	DH19OT			0,5	1,0	0,8	2,3	0012345678910	0123456789
13	21118328	Nguyễn Minh Nhật	DH21CK		✓					0012345678910	0123456789
14	19137050	Trần Hoàng Phi	DH19NL			0,25	1,5	0,75	2,5	0012345678910	0123456789
15	21118339	Hồ Hoàng Phúc	DH21CK		✓	(cấm thi)				0012345678910	0123456789
16	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK		✓	(cấm thi)				0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02294

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CK_05

Tổ Thi 002_DH21CK_05

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118183	Phạm Công Phương	DH19CK			1,5	2,25	4,25	8,0	0012345678910	0123456789
18	19118184	Phạm Minh Phương	DH19CK			1,5	2,25	4,25	8,5	0012345678910	0123456789
19	19154125	Võ Anh Phương	DH19OT			0,8	2,0	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
20	19118189	Lê Vinh Quang	DH19CK			0,0	0,5	1,0	1,5	0012345678910	0123456789
21	19118187	Trương Quang Quân	DH19CK			0,25	1,25	0,5	2,0	0012345678910	0123456789
22	21118351	Đào Duy Quốc	DH21CK		✓	(cấm thi)				0012345678910	0123456789
23	19118195	Phạm Thành Sang	DH19CC		✓					0012345678910	0123456789
24	19118198	Nguyễn Trường Sơn	DH19CK			0,5	2,3	3,5	6,3	0012345678910	0123456789
25	19137059	Hồ Anh Tài	DH19NL			0,25	1,5	1,75	3,5	0012345678910	0123456789
26	19153068	Huỳnh Văn Tấn	DH19CD			1,5	2,25	3,25	7,0	0012345678910	0123456789
27	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC			0,5	2,25	2,25	5,5	0012345678910	0123456789
28	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC			0,75	1,8	1,75	4,3	0012345678910	0123456789
29	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK			1,5	2,25	2,25	6,5	0012345678910	0123456789
30	21118378	Nguyễn Ngọc Thành	DH21CK			0,0	2,3	1,0	3,3	0012345678910	0123456789
31	19118216	Nguyễn Tiến Thành	DH19CK			0,25	1,25	0,5	2,0	0012345678910	0123456789
32	21118379	Trần Việt Thành	DH21CK		✓	(cấm thi)				0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02294

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21CK_05

Tổ Thi 002_DH21CK_05

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19137065	Phạm Phước	Thắng	DH19NL	✓	(cấm thi)				● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	21118382	Dương Tuấn	Thuận	DH21CK	Phuon	0,0	1,5	0,3	1,8	○ 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
35	21118143	Nguyễn Minh	Thuận	DH21CK	Minh	0,0	1,0	0,5	1,5	○ 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
36	19118233	Nguyễn Nam	Thuận	DH19CC	Nam	0,5	2,0	1,5	4,0	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	19153081	Bùi Quang	Tiến	DH19CD	Tien	1,5	2,0	1,25	5,5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	21118386	Đặng Quang	Tiến	DH21CK	✓	(cấm thi)				● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	19154163	Lê Minh	Tiến	DH19OT	Minh	1,0	1,5	2,0	4,5	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
40	19118241	Trần Hữu	Tin	DH19CK	Huu	1,5	2,0	3,5	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	19118242	Phan Đặng Hoài	Tinh	DH19CK	Hoi	1,3	2,0	3,0	6,3	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
42	21118399	Nguyễn Trung	Trực	DH21CK	Truc	0,0	2,0	0,5	2,5	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
43	21118422	Nguyễn Tiến	Vinh	DH21CK	✓	(cấm thi)				● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi 3. Số sinh viên vắng 12

Ngày 15 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in 23/06/2022

Quang
Đặng Vinh Quang

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Vũ Hồng Tiên



Mã nhận dạng 02295

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21NL_06

Tổ Thi

001_DH21NL_06

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC	Anh		1,5	2,25	5,75	9,5	0012345678910	0123456789
2	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT	Bach		0,8	0,0	1,5	2,3	0012345678910	0123456789
3	19118007	Dương Gia Bảo	DH19CK	B		0,75	2,0	3,25	6,0	0012345678910	0123456789
4	21137047	Nguyễn Nhật Bảo	DH21NL	Bao		0,5	2,3	0,5	3,3	0012345678910	0123456789
5	21137049	Trần Thanh Bình	DH21NL	Binh		0,0	1,75	1,75	3,5	0012345678910	0123456789
6	19118016	Nguyễn Văn Ca	DH19CC	Ca		0,75	2,0	2,25	5,0	0012345678910	0123456789
7	21137051	Võ Ngọc Chinh	DH21NL	Chinh		0,0	2,3	0,0	2,3	0012345678910	0123456789
8	19153003	Vũ Văn Cương	DH19CD	Cu		0,5	2,25	2,75	5,5	0012345678910	0123456789
9	21137054	Tạ Quốc Cường	DH21NL	Cu		0,0	0,5	0,0	0,5	0012345678910	0123456789
10	19154019	Hồ Lê Tuấn Danh	DH19OT	Danh		0,25	2,5	0,25	3,0	0012345678910	0123456789
11	19153008	Ngô Trung Đình	DH19CD	Dinh		1,25	2,0	1,75	5,0	0012345678910	0123456789
12	21137064	Bùi Ngọc Khánh Duy	DH21NL	Duy		0,0	2,25	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
13	19118051	Phan Phúc Duy	DH19CC	Duy		0,5	1,75	1,25	3,5	0012345678910	0123456789
14	21137055	Nguyễn Văn Đại	DH21NL	Da		0,0	2,3	0,0	2,3	0012345678910	0123456789
15	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC	Dat		0,75	2,15	1,5	4,5	0012345678910	0123456789
16	19118035	Nguyễn Mai Quốc Đạt	DH19CC	Dac		0,0	1,5	0,8	2,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02295

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH21NL_06

Tổ Thi 001_DH21NL_06

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137014	Trần Minh Đạt	DH19NL			0,5	1,25	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
18	19153004	Nguyễn Hải Đăng	DH19CD			1,25	2,0	2,25	5,5	0012345678910	0123456789
19	21137005	Trần Thành Đô	DH21NL			0,0	2,25	3,75	6,0	0012345678910	0123456789
20	21137062	Cao Hữu Đông	DH21NL			0,0	0,8	0,0	0,8	0012345678910	0123456789
21	19118041	K' Đông	DH19CC			1,0	2,0	1,0	4,0	0012345678910	0123456789
22	21137069	Dương Tiến Hải	DH21NL			1,0	2,25	3,25	6,5	0012345678910	0123456789
23	19118057	Huỳnh Gia Hào	DH19CC			1,25	2,25	3,0	6,5	0012345678910	0123456789
24	19118059	Nguyễn Chí Hào	DH19CC			0,5	1,5	0,5	2,5	0012345678910	0123456789
25	21137009	Nguyễn Thanh Hiền	DH21NL		✓					0012345678910	0123456789
26	21137075	Thái Văn Hiệp	DH21NL			1,25	2,25	3,0	6,5	0012345678910	0123456789
27	21137080	Trần Nhật Hùng	DH21NL			0,0	1,25	0,25	2,0	0012345678910	0123456789
28	21137082	Huỳnh Văn Huy	DH21NL			0,0	2,25	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
29	18154047	Nguyễn Hữu Minh Huy	DH18OT			1,25	1,5	2,75	5,5	0012345678910	0123456789
30	21137086	Tổng Nguyễn Gia Huy	DH21NL			0,25	2,25	1,0	3,5	0012345678910	0123456789
31	19153026	Trần Quốc Huy	DH19CD			1,3	2,5	5,5	9,3	0012345678910	0123456789
32	21137013	Mai Tuấn Hưng	DH21NL			0,0	1,5	0,5	2,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02295

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21NL_06

Tổ Thi 001_DH21NL_06

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD203

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21137081	Trần Vũ Hưng	DH21NL	Hưng		20	22.5	2.8	5.0	0012345678910	0123456789
34	21137089	Trần Đăng Khoa	DH21NL	Khoa		10	15	0.8	2.3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 33 Số sinh viên vắng 1...

Ngày 15 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trần Văn Tiên

Phan Trọng Nghĩa

Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Trần Văn Tiên



Mã nhận dạng 02296

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207146)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21NL_06

Tổ Thi 002_DH21NL_06

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21137091	Lê Hoàng	Khôi	Khôi		1,0	2,25	1,25	4,5	0012345678910	0123456789
2	21137092	Nguyễn Đăng	Khôi	Đăng		1,0	0,25	0,75	2,0	0012345678910	0123456789
3	21137094	Trần Công	Khương	Khương		0,5	2,25	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
4	19118122	Đinh Kỳ	Linh	Kỳ		1,5	1,75	2,75	6,0	0012345678910	0123456789
5	19153039	Lê Văn	Lộc		✓					0012345678910	0123456789
6	18118081	Tạ Văn	Mạnh	Mạnh		1,0	2,3	1,5	4,8	0012345678910	0123456789
7	21137105	Nguyễn Anh	Minh	Anh		0,0	1,5	0,0	1,5	0012345678910	0123456789
8	19118150	Nguyễn Hoài	Nam	Nam		0,25	2,3	3,25	5,8	0012345678910	0123456789
9	19130141	Phạm Hoàng	Nam	Hoàng		0,3	1,5	1,0	2,8	0012345678910	0123456789
10	19154101	Dương Trọng	Ngôn	Trọng		1,25	2,25	2,5	6,0	0012345678910	0123456789
11	21137109	Nguyễn Thái	Nguyên	T. Nguyễn		0,75	2,25	1,5	4,5	0012345678910	0123456789
12	21137111	Quách Viết	Nguyên	V. Quách		0,5	1,75	0,75	3,0	0012345678910	0123456789
13	21137108	Bùi Thành	Ngữ	Thành		0,0	2,3	0,5	2,8	0012345678910	0123456789
14	19153052	Đỗ Văn Tình	Nhỏ	Tình		1,0	1,5	3,8	6,3	0012345678910	0123456789
15	21137114	Nguyễn Hoài	Nhuân	Hoài		0,25	2,25	1,0	3,5	0012345678910	0123456789
16	19153057	Nguyễn Duy	Phong	Duy		0,75	2,25	1,5	4,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02296

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21NL_06

Tổ Thi 002_DH21NL_06

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21137115	Nguyễn Ngọc Phong	DH21NL	Phong		1,0	2,25	0,75	4,0	0012345678910	0123456789
18	21137118	Nguyễn Hữu Phúc	DH21NL	Phúc		0,0	1,8	0,0	1,8	0012345678910	0123456789
19	21137119	Nguyễn Văn Phúc	DH21NL	Phúc		0,75	1,25	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
20	21137120	Nguyễn Thành Phước	DH21NL	Phước		0,0	2,25	0,25	2,5	0012345678910	0123456789
21	21137124	Đoàn Duy Quang	DH21NL	Quang		0,0	1,8	1,0	2,8	0012345678910	0123456789
22	21137125	Nguyễn Vũ Khôi	DH21NL	(cạnh thi)						0012345678910	0123456789
23	19118185	Nguyễn Hoàng Quân	DH19CC	Quân		1,0	2,5	0,5	4,0	0012345678910	0123456789
24	19137060	Hoàng Nhân Tài	DH19NL	Tài		1,0	2,25	2,75	6,0	0012345678910	0123456789
25	21137131	Huỳnh Trọng Tấn	DH21NL	Tấn		0,0	2,0	0,8	2,8	0012345678910	0123456789
26	21137133	Phạm Lê Quốc Thái	DH21NL	Thái		0,0	1,0	0,5	1,5	0012345678910	0123456789
27	19153070	Trương Văn Thái	DH19CD	Thái		0,5	0,0	2,3	2,8	0012345678910	0123456789
28	21137134	Nguyễn Hoài Thanh	DH21NL	Thanh		1,0	2,25	2,75	6,0	0012345678910	0123456789
29	19118215	Trần Ngọc Thanh	DH19CC	Thanh		1,0	1,8	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
30	21137137	Phạm Tuấn Thành	DH21NL	Thành		0,0	1,3	0,5	1,8	0012345678910	0123456789
31	21137140	Lê Phúc Thịnh	DH21NL	Thịnh						0012345678910	0123456789
32	19153082	Nguyễn Công Quyết Tiến	DH19CD	Tiến		0,8	2,0	1,5	4,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02296

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21NL_06

Tổ Thi 002_DH21NL_06

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21137149	Nguyễn Nhật	Tiến	DH21NL		0,0	1,5	1,0	2,5	0010345678910	0123406789
34	21137150	Tô Nhật	Tiến	DH21NL		0,0	1,0	1,0	2,0	0010345678910	0123456789
35	21137152	Nguyễn Văn	Tín	DH21NL		0,0	2,3	2,0	4,3	0012345678910	0120456789
36	21137153	Nguyễn Hữu	Tính	DH21NL		0,0	1,0	0,5	1,5	0002345678910	0123406789
37	19118244	Nguyễn Phúc	Toại	DH19CC		1,5	1,5	4,0	7,0	0012345608910	0123456789
38	21137156	Võ Quốc	Toàn	DH21NL		0,5	2,5	1,5	4,0	0012305678910	0123456789
39	19118252	Nguyễn Trần Minh	Trí	DH19CK		0,5	2,5	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
40	18118166	Nguyễn Quốc	Trung	DH18CC		1,5	2,5	1,25	5,0	0012340678910	0123456789
41	21137161	Nguyễn Văn	Truyền	DH21NL		0,0	0,0	0,3	0,3	0012345678910	0120456789
42	19153090	Mai Lê	Tú	DH19CD	✓					0012345678910	0123456789
43	19118263	Võ Văn	Tư	DH19CC		1,0	1,75	2,25	5,0	0012340678910	0123456789
44	21137165	Huỳnh Anh	Tường	DH21NL	✓					0012345678910	0123456789
45	19118280	Nguyễn Hoàng	Vũ	DH19CC		1,0	1,8	2,5	5,3	0012340678910	0120456789



Mã nhận dạng 02296

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071) 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21NL_06

Tổ Thi 002_DH21NL_06

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT102

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 40 Số sinh viên vắng5

Ngày 15 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

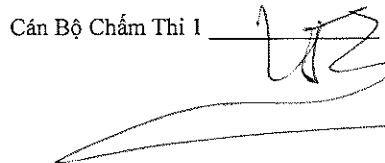
Cán Bộ Chấm Thi 2


Lê Quang Vinh


Hồ Văn Nghĩa



TS. Nguyễn Đức Khuyến



B. Nguyễn Thành Tiên



Mã nhận dạng 02297

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21NL_07

Tổ Thi 001_DH21NL_07

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21137042	Huỳnh Phúc An	DH21NL			0,0	2,0	0,5	2,5	0010345678910	0123456789
2	21137044	Nguyễn Vũ Hoàng	DH21NL			0,8	2,25	1,75	4,8	0012345678910	0123456789
3	19118005	Lương Thái	DH19CC			1,0	1,8	3,0	5,8	0012345678910	0123456789
4	21137048	Trần Xuân	DH21NL		(cấm thi)					0012345678910	0123456789
5	21137045	Trịnh Tuấn	DH21NL			0,0	1,8	0,0	1,8	0012345678910	0123456789
6	21137052	Đặng Văn	DH21NL			1,0	2,0	0,5	3,5	0012345678910	0123456789
7	21137053	Hoàng Gia	DH21NL			0,3	1,5	0,0	1,8	0012345678910	0123456789
8	21137006	Nguyễn Bảo	DH21NL			1,5	2,0	2,3	5,8	0012345678910	0123456789
9	19118052	Văn Thành	DH19CK			0,75	2,0	1,75	4,5	0012345678910	0123456789
10	21137056	Đoàn Tiến	DH21NL			0,3	1,75	3,25	5,3	0012345678910	0123456789
11	21137058	Hà Văn	DH21NL			0,0	2,0	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
12	21137059	Nguyễn Thành	DH21NL			0,0	1,8	0,0	1,8	0012345678910	0123456789
13	21154151	Cao Duy	DH21OT			1,25	1,8	4,25	7,3	0012345678910	0123456789
14	21137063	Nguyễn Minh	DH21NL			0,5	0,5	0,3	1,3	0012345678910	0123456789
15	21137067	Trần Nguyễn Hoàng	DH21NL		✓					0012345678910	0123456789
16	21137070	Trương Ngọc	DH21NL			0,0	2,0	0,0	2,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02297

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21NL_07

Tổ Thi 001_DH21NL_07

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21137071	Nguyễn Văn Hào	DH21NL			0,25	1,25	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
18	21137073	Trần Hưng	DH21NL			0,10	0,10	0,5	0,5	0012345678910	0123456789
19	21137074	Huỳnh Ngọc	DH21NL			0,10	2,0	0,0	2,0	0012345678910	0123456789
20	21137011	Phan Xuân	DH21NL			0,10	0,5	0,0	0,5	0012345678910	0123456789
21	19118072	Lăng Ngọc	DH19CK			1,0	1,75	1,75	4,5	0012345678910	0123456789
22	21137077	Nguyễn Huy	DH21NL			0,10	2,0	0,5	2,5	0012345678910	0123456789
23	21137083	Lương Quốc	DH21NL		✓					0012345678910	0123456789
24	21137084	Nguyễn Minh	DH21NL			0,0	1,8	0,0	1,8	0012345678910	0123456789
25	21137085	Phạm Nhật	DH21NL			0,0	1,0	0,0	1,0	0012345678910	0123456789
26	18153029	Trương Vĩnh	DH18CD			1,0	1,25	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
27	21137087	Dương	DH21NL			0,10	2,0	1,8	4,8	0012345678910	0123456789
28	19118105	Lý Nhất	DH19CC			0,75	2,0	1,75	7,5	0012345678910	0123456789
29	18154052	Trần Chí	DH18OT			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
30	18154054	Thạch Đăng	DH18OT			1,25	1,5	1,75	5,5	0012345678910	0123456789
31	21137098	Đoàn Bùi Thanh	DH21NL			0,15	1,5	0,3	2,3	0012345678910	0123456789
32	21137018	Nguyễn Phát	DH21NL			0,10	1,8	0,0	1,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02297

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21NL_07

Tổ Thi 001_DH21NL_07

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19137041	Nguyễn Phúc Lộc	DH19NL			0,5	10	0,5	2,0	0010345678910	0123456789
34	21137101	Thái Lạc Quán	DH21NL			0,0	13	0,0	1,3	00102345678910	0120456789
35	21137102	Đỗ Trọng Mạnh	DH21NL							0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 3. Số sinh viên vắng 04

Ngày 15 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Duy Lam

Vương Thành Tiên

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 02298

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21NL_07

Tổ Thi 002_DH21NL_07

Tên CBGD Vương Thành Tiên

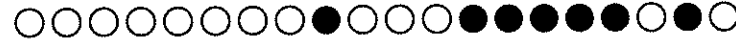
Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21137103	Nguyễn Đức Mạnh	DH21NL			0,5	2,0	1,0	3,5	0012345678910	0123456789
2	19137042	Bùi Thị Yến	DH19NL			1,0	1,5	4,5	7,0	0012345678910	0123456789
3	19118146	Thạch	DH19CC			0,5	2,0	4,5	7,0	0012345678910	0123456789
4	19118149	Lâm Nhật	DH19CK			0,75	2,0	1,25	4,5	0012345678910	0123456789
5	21137106	Nguyễn Khắc Phương	DH21NL			0,0	1,25	0,25	2,0	0012345678910	0123456789
6	19137045	Nguyễn Ngọc Hoàng	DH19NL			(cấm thi)				0012345678910	0123456789
7	19137046	Nguyễn Phúc	DH19NL			0,5	1,5	0,5	2,5	0012345678910	0123456789
8	21137112	Đặng Phú	DH21NL			1,0	0,3	0,5	1,8	0012345678910	0123456789
9	21137113	Nguyễn Lê Duy	DH21NL			0,0	2,3	0,5	2,8	0012345678910	0123456789
10	19137049	Đỗ Minh	DH19NL			1,25	1,8	2,25	5,3	0012345678910	0123456789
11	19118177	Nguyễn Trường	DH19CC			1,25	2,5	2,25	6,0	0012345678910	0123456789
12	21137116	Trương Hoàng	DH21NL			0,5	1,5	0,0	2,0	0012345678910	0123456789
13	21137117	Huỳnh Trọng	DH21NL			0,5	1,5	0,0	2,0	0012345678910	0123456789
14	21137022	Phạm Ngọc	DH21NL			0,0	2,0	0,0	2,0	0012345678910	0123456789
15	18154101	Nguyễn Duy	DH18OT			0,75	1,25	0,0	2,0	0012345678910	0123456789
16	21137126	Tô Văn	DH21NL			0,75	2,0	2,25	5,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02298

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21NL_07

Tổ Thi

002_DH21NL_07

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21137122	Đoàn Minh Quân	DH21NL		✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	21137123	Nguyễn Khắc Minh	Quân	DH21NL		0,5	2,25	0,25	3,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	19137056	Trần Nguyễn Sang	DH19NL			0,5	2,0	3,5	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	21137128	Phạm Ngọc Sáng	DH21NL			0,0	0,5	4,0	1,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	21137129	Phan Tiến Sỹ	DH21NL			0,3	1,5	0,5	2,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	21137130	Hồ Chí Tâm	DH21NL			0,0	4,5	1,5	3,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	21137132	Phan Văn Thà	DH21NL			0,3	0,0	0,0	0,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	21137135	Nguyễn Minh	Thành	DH21NL		(cấm thi)				● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	21137136	Nguyễn Tấn	Thành	DH21NL		1,5	2,3	2,0	5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	21137138	Nguyễn Niên	Thạnh	DH21NL		0,5	2,0	1,5	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	18154113	Lê Đức Thắng	DH18OT			0,8	1,5	1,0	3,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	18154120	Trần Quốc Thịnh	DH18OT			1,0	1,75	2,25	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	21137141	Nguyễn Truyền	Thoại	DH21NL		1,0	2,0	4,0	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	21137143	Khru Minh Thuận	DH21NL			0,0	1,5	0,5	2,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	21137144	Mai Công Thuận	DH21NL			0,0	2,25	2,25	4,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	21137147	Hoàng Cao Minh Tiến	DH21NL			0,0	1,0	0,5	1,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02298

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21NL_07

Tổ Thi 002_DH21NL_07

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21137148	Lâm Đạo Tiến	DH21NL			0,0	2,0	0,5	2,5	0012345678910	0123456789
34	21137154	Trương Văn Tình	DH21NL			0,0	1,8	0,5	2,3	0012345678910	0123456789
35	21137155	Nguyễn Song Toàn	DH21NL			0,0	2,2	1,0	3,3	0012345678910	0123456789
36	21137157	Đinh Minh Trí	DH21NL			0,25	2,0	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
37	21137159	Nguyễn Quốc Trí	DH21NL			0,0	1,5	0,8	2,3	0012345678910	0123456789
38	21118400	Lê Văn Trung	DH21CK			1,5	2,0	3,0	6,5	0012345678910	0123456789
39	21137037	Phan Đình Trung	DH21NL			0,75	2,25	1,0	4,0	0012345678910	0123456789
40	21118404	Huỳnh Quang Trường	DH21CK			1,5	2,0	1,5	5,0	0012345678910	0123456789
41	21137162	Nguyễn Thanh Tuấn	DH21NL			0,0	1,5	1,0	2,5	0012345678910	0123456789
42	21137163	Nguyễn Trần Anh Tuấn	DH21NL			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
43	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT			1,0	1,5	1,8	4,3	0012345678910	0123456789
44	21137039	Nguyễn Quang Vinh	DH21NL			0,0	2,0	1,3	3,3	0012345678910	0123456789
45	21137167	Nguyễn Tấn Vinh	DH21NL			0,5	0,5	0,8	1,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02298

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21NL_07

Tổ Thi 002_DH21NL_07

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV201

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 2 Số sinh viên vắng 3.

Ngày 11 Tháng 08 Năm 2022

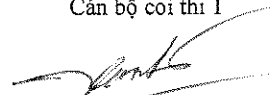
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

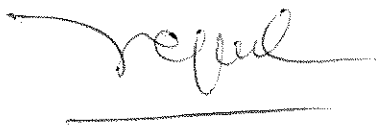
Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

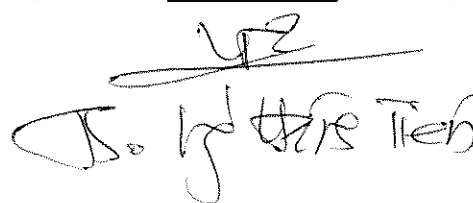
Cán Bộ Chấm Thi 2


Nguyễn Văn Thành


Bùi Công Hào



TS. Nguyễn Đức Khuyến


TS. Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 02299

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071) 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21OT_08

Tổ Thi 001_DH21OT_08

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137002	Châu Thanh Hoàng Anh	DH19NL	Anh		1,5	0,5	2,8	4,8	0012345678910	0123456789
2	21154123	Trần Hoàng Anh	DH21OT	Anh		0,5	1,5	0,5	2,5	0012345678910	0123456789
3	21154124	Ngô Trương Công Bằng	DH21OT	Bằng		1,0	1,75	2,25	5,0	0012345678910	0123456789
4	21154129	Nguyễn Bá Ngọc Bình	DH21OT	Bình		1,25	1,8	1,25	4,3	0012345678910	0123456789
5	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT	Chí		1,25	2,0	0,75	4,0	0012345678910	0123456789
6	21154134	Trần Đức Chiến	DH21OT	(cấm thi)						0012345678910	0123456789
7	21154135	Trương Văn Chung	DH21OT	Ch		0,6	0,5	0,3	0,8	0012345678910	0123456789
8	21154139	Phạm Đức Công	DH21OT	Công		0,5	1,8	0,0	2,3	0012345678910	0123456789
9	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK	Danh		1,25	1,5	2,25	5,0	0012345678910	0123456789
10	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC	Duy		1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
11	21154157	Nguyễn Minh Duy	DH21OT	Duy		0,5	1,75	2,75	5,0	0012345678910	0123456789
12	19137012	Nguyễn Văn Đàm	DH19NL	Đàm		0,5	2,0	4,5	7,0	0012345678910	0123456789
13	21154147	Lê Văn Đạt	DH21OT	Đạt		0,0	0,5	0,0	0,5	0012345678910	0123456789
14	21154144	Ngô Hải Đăng	DH21OT	Đăng		1,25	1,75	3,0	6,0	0012345678910	0123456789
15	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC	Đăng		0,5	0,3	0,0	0,8	0012345678910	0123456789
16	19153006	Võ Quan Đăng	DH19CD	Đăng		1,5	2,0	2,5	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02299

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21OT_08

Tổ Thi 001_DH21OT_08

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

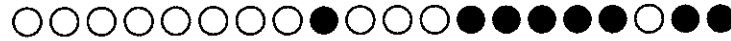
Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

HD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
18	21154166	Võ Tấn Anh	DH21OT			0,0	0,75	0,75	1,5	0012345678910	0123456789
19	21154169	Nguyễn Tấn Hiệp	DH21OT		✓					0012345678910	0123456789
20	18118039	Trần Tuấn	DH18CC			1,25	1,3	2,25	5,3	0012345678910	0123456789
21	21154181	Lê Việt	DH21OT	(Cấm thi)						0012345678910	0123456789
22	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
23	21154187	Nguyễn Thanh Hùng	DH21OT			0,8	0,0	0,0	0,8	0012345678910	0123456789
24	19118087	Đỗ Quốc Huy	DH19CC			0,5	1,5	1,3	3,3	0012345678910	0123456789
25	19118093	Nguyễn Minh	DH19CK			0,75	1,0	2,25	4,0	0012345678910	0123456789
26	21154194	Lê Quang Khải	DH21OT			0,5	0,75	1,25	3,0	0012345678910	0123456789
27	21154195	Phạm Quang Khải	DH21OT			0,5	1,75	0,25	2,5	0012345678910	0123456789
28	19137033	Nguyễn Duy Khánh	DH19NL			0,75	1,5	1,25	3,5	0012345678910	0123456789
29	20153091	Nguyễn Đình Khiêm	DH20CD			1,0	1,75	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
30	21154199	Đinh Đăng Khoa	DH21OT			1,0	1,3	0,5	2,8	0012345678910	0123456789
31	21154048	Phan Quốc Kiệt	DH21OT			0,5	1,75	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
32	21154210	Trần Quang Lâm	DH21OT			1,25	1,75	2,0	5,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02299

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21OT_08**

Tổ Thi **001_DH21OT_08**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD202**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19153037	Đinh Văn Quyền	Linh	Dinh Van Quy		1.0	0.5	2.5	4.0	0012345678910	0123456789
34	18154063	Nguyễn Xuân	Linh	Lin		1.0	0.75	2.25	4.0	0012345678910	0123456789
35	21154222	Hồ Nguyễn Thành	Luân	Hu		1.0	0.25	1.25	4.5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 32, Số sinh viên vắng 03

Ngày 15 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Duy Lam

Lưu Thanh Thiên

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 02300

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21OT_08

Tổ Thi 002_DH21OT_08

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118135	Trần Hữu	Luận	DH19CC		0,25	2,3	2,3	5,3	0012345678910	0123456789
2	21154228	Văn Trọng	Lực	DH21OT		0,3	2,0	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
3	21118304	Nguyễn Ngọc	Mẫn	DH21CK		1,5	2,3	3,5	7,3	0012345678910	0123456789
4	19154093	Nguyễn Lê Anh	Minh	DH19OT		0,0	2,0	2,3	4,3	0012345678910	0123456789
5	21154235	Phạm Ngọc	Minh	DH21OT		1,5	2,5	3,5	7,5	0012345678910	0123456789
6	19118147	Hoàng Phương	Nam	DH19CK		0,25	2,25	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
7	18153048	Nguyễn Đại	Nghĩa	DH18CD		0,25	1,25	2,25	4,0	0012345678910	0123456789
8	21154249	Huỳnh Thành	Nhân	DH21OT		1,25	2,0	1,25	4,5	0012345678910	0123456789
9	19154104	Trần Thanh	Nguyễn	DH19OT		1,0	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
10	21154071	Dương Thị Hồng	Nhung	DH21OT		2,15	1,5	3,5	6,5	0012345678910	0123456789
11	21154255	Nguyễn Minh	Nhật	DH21OT		1,0	1,75	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
12	21154257	Huỳnh Tấn	Phát	DH21OT		1,0	2,0	2,0	5,0	0012345678910	0123456789
13	21154262	Bùi Phan Duy	Phú	DH21OT		0,25	2,25	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
14	21154267	Tăng Văn	Phú	DH21OT						0012345678910	0123456789
15	19154120	Lục Lưu	Phước	DH19OT		1,0	2,0	3,0	6,0	0012345678910	0123456789
16	21118117	Nguyễn Minh	Phương	DH21CK		(Cần thi)				0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02300

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21OT_08

Tổ Thi 002_DH21OT_08

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154124	Phan Văn Phương	DH19OT	(căn thi)						0012345678910	0123456789
18	19153062	Trần Nguyên Anh	Phương	DH19CD	(2)	1,5	0,25	1,25	3,5	0012345678910	0123456789
19	21154276	Phạm Nguyễn Minh	Quân	DH21OT		1,5	2,5	2,3	6,3	0012345678910	0123456789
20	17118089	Phạm Bùi Tấn	Sang	DH17CC		0,0	0,0	0,3	0,3	0012345678910	0123456789
21	17118091	Hoàng Kim	Son	DH17CK		1,25	1,25	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
22	21154294	Lê Thành	Tài	DH21OT		0,25	1,25	0,5	2,0	0012345678910	0123456789
23	21154093	Phan Thành	Tâm	DH21OT		1,5	1,5	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
24	21154312	Đỗ Minh Tất	Thành	DH21OT		1,5	1,75	2,75	6,0	0012345678910	0123456789
25	21154306	Đặng Thế Minh	Thắng	DH21OT		1,5	2,25	5,25	9,0	0012345678910	0123456789
26	19118211	Trần Danh	Thắng	DH19CC		0,25	2,25	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
27	19118212	Trần Quốc	Thắng	DH19CK		1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
28	21154310	Trịnh Minh	Thắng	DH21OT	(căn thi)					0012345678910	0123456789
29	19154154	Lê Danh	Thi	DH19OT		0,25	1,5	1,25	3,5	0012345678910	0123456789
30	21154325	Nguyễn Minh	Thông	DH21OT		1,5	2,0	3,5	7,0	0012345678910	0123456789
31	19118236	Phạm Vũ Nhật	Tiến	DH19CC		0,5	1,75	4,25	6,5	0012345678910	0123456789
32	19118238	Trần Minh	Tiến	DH19CC		0,3	1,75	2,25	4,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02300

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH21OT_08

Tổ Thi 002_DH21OT_08

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118247	Trương Hữu Toàn	DH19CC		(cấm thi)					0012345678910	0123456789
34	21154337	Vũ Quốc	DH21OT	Tấn		1,25	2,3	2,25	5,8	0012345678910	0123456789
35	21154344	Ngô Đức	DH21OT	Tung		0,0	1,0	0,8	1,8	0012345678910	0123456789
36	20118280	Dương Minh	DH20CC		✓					0012345678910	0123456789
37	21154347	Ngô Như	DH21OT	Th		1,5	1,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
38	21154351	Nguyễn Hoàng	DH21OT	Th		0,0	1,25	0,75	2,5	0012345678910	0123456789
39	19154184	Nguyễn Thanh	DH19OT	Th		0,3	1,5	1,5	3,3	0012345678910	0123456789
40	19154185	Trần Lâm	DH19OT		✓					0012345678910	0123456789
41	19118271	Phạm Bá	DH19CK	Tung		0,5	2,25	4,25	7,0	0012345678910	0123456789
42	19154189	Nguyễn Nho	DH19OT	Vũ		0,5	1,3	0,5	2,3	0012345678910	0123456789
43	19118276	Phạm Thái Bảo	DH19CK	Vinh		1,0	1,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
44	19118279	Bùi Bá	DH19CC	Th		0,0	1,3	1,0	2,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02300

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071) 40 Số Tin Ch 3
Nhóm Thi DH21OT_08 Tổ Thi 002_DH21OT_08 Tên CBGD Vương Thành Tiên
Ngày Thi 18/07/2022 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 38. Số sinh viên vắng 6.

Ngày 18 Tháng 7 Năm 2022
15-08-2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 02301

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071.40)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21OT_09**

Tổ Thi **001_DH21OT_09**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

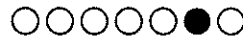
Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD203**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21154120	Hoàng Cao Tài	Anh	DH21OT		0,0	1,0	0,0	1,0	0002345678910	0123456789
2	21154121	Lê Hoàng Việt	Anh	DH21OT	Anh	0,25	1,75	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
3	21154002	Lê Chí	Bảo	DH21OT		1,0	1,5	1,8	4,3	0012345678910	0123456789
4	21154127	Lê Vũ	Bảo	DH21OT	Bảo	0,0	1,0	2,5	3,5	0012345678910	0123456789
5	21154128	Nguyễn Ngọc	Bảo	DH21OT		0,0	0,0	0,8	0,8	0012345678910	0123456789
6	21154132	Phạm Thế	Châu	DH21OT	Châu	0,0	2,0	4,5	6,5	0012345678910	0123456789
7	21154137	Lê Thành	Công	DH21OT	Cg	0,0	0,5	0,5	1,0	0002345678910	0123456789
8	21154140	Võ Thành	Công	DH21OT	Cong	0,0	1,75	1,25	3,0	0012345678910	0123456789
9	21154146	Đặng Trần	Danh	DH21OT		0,75	1,0	3,25	5,0	0012345678910	0123456789
10	21154153	Lê Quang	Dũng	DH21OT	Dung	0,0	1,8	1,5	3,3	0012345678910	0123456789
11	21154154	Trương Tấn	Dũng	DH21OT		0,0	2,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
12	21154145	Nguyễn Hải	Đặng	DH21OT		1,5	2,0	2,5	6,0	0012345678910	0123456789
13	21154011	Diệp Mạnh	Đình	DH21OT		0,5	1,5	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
14	21154161	Nguyễn Văn	Giàu	DH21OT	Giàu	0,5	1,75	1,25	6,5	0012345678910	0123456789
15	21154168	Lê Gia	Hiệp	DH21OT		0,0	1,8	1,5	3,3	0012345678910	0123456789
16	21154173	Nguyễn Minh	Hiếu	DH21OT		1,5	1,75	2,75	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02301

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21OT_09

Tổ Thi 001_DH21OT_09

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21154174	Nguyễn Ngọc Trung	Hiếu	DH21OT	✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	21154176	Lê Hoàng An	Hòa	DH21OT	Hoà	1,5	2,0	0,5	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	21154177	Hà Minh	Hoài	DH21OT	Hoài	0,25	2,25	4,0	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	21154178	Nguyễn Đức	Hoài	DH21OT	Hoài	0,0	1,8	0,5	2,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	21154179	Đoàn Thế	Hoàn	DH21OT	Hàn	0,0	1,0	3,0	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	21154183	Nguyễn Minh	Hoàng	DH21OT	✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	21154184	Nguyễn Văn	Hoàng	DH21OT	✓	0,0	1,5	0,0	1,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	21154186	Nguyễn Phi	Hùng	DH21OT	✓	1,25	2,3	5,25	8,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	21154034	Nguyễn Nhật	Huy	DH21OT	✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	21154200	Đoàn Nguyễn Linh	Khôi	DH21OT	✓	1,25	2,3	2,25	6,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	21154046	Hứa Tuấn	Kiệt	DH21OT	✓	0,0	1,5	0,8	2,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	21154204	Nguyễn Anh	Kiệt	DH21OT	✓	1,0	1,25	3,25	5,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	21154206	Nguyễn Vũ Anh	Kiệt	DH21OT	✓	1,5	1,75	4,75	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	21154208	Nguyễn Cao	Kỳ	DH21OT	✓	1,3	2,0	3,5	6,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	21154209	Nguyễn Văn	Lâm	DH21OT	✓	1,5	2,0	3,8	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	21154211	Võ Tấn	Lịch	DH21OT	✓	1,0	1,5	0,5	3,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02301

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21OT_09

Tổ Thi 001_DH21OT_09

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD203

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21154217	Hồ Quốc Long	DH21OT			0,0	2,5	0,5	2,0	0012345678910	0123456789
34	21154219	Võ Công Long	DH21OT			1,0	1,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
35	21154221	Hoàng Phi Lát	DH21OT			1,25	2,0	4,75	8,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 32. Số sinh viên vắng ...3...

Ngày 15 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.V. Kiệp

Nguyễn Nhật Long

TS. Nguyễn Đức Khuyên

Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 02302

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21OT_09

Tổ Thi 002_DH21OT_09

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21154223	Lê Hữu Luân	DH21OT			0,0	1,5	1,5	3,0	0012345678910	0123456789
2	21154224	Nguyễn Kim Luân	DH21OT			0,8	1,5	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
3	21154231	Trần Đức Mến	DH21OT			1,25	2,0	3,25	7,0	0012345678910	0123456789
4	21154233	Nguyễn Bửu Minh	DH21OT			1,0	1,75	2,75	5,5	0012345678910	0123456789
5	21154234	Phạm Ngô Nhật Minh	DH21OT			0,0	1,25	1,25	2,5	0012345678910	0123456789
6	21154236	Bùi Khắc Nam	DH21OT			0,0	0,0	2,5	2,5	0012345678910	0123456789
7	21154237	Giang Hạo Nam	DH21OT			0,0	1,5	1,0	2,5	0012345678910	0123456789
8	21154238	Trần Hoài Nam	DH21OT			0,5	1,75	0,75	3,0	0012345678910	0123456789
9	21154241	Lê Minh Nghĩa	DH21OT			1,5	2,0	0,5	4,0	0012345678910	0123456789
10	21154242	Nguyễn Minh Nghĩa	DH21OT			0,5	1,75	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
11	21154246	Mã Vinh Nguyên	DH21OT			0,5	1,75	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
12	21154066	Nguyễn Đức Nguyên	DH21OT			0,0	1,5	0,3	1,8	0012345678910	0123456789
13	21154248	Phan Tam Nguyên	DH21OT			0,0	1,5	0,5	2,0	0012345678910	0123456789
14	21154251	Nguyễn Minh Nhật	DH21OT			0,0	0,8	0,0	0,8	0012345678910	0123456789
15	21154253	Dương Minh Nhựt	DH21OT			0,0	1,5	1,0	2,5	0012345678910	0123456789
16	21154075	Lê Văn Phát	DH21OT			0,0	1,5	2,8	4,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02302

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21OT_09

Tổ Thi 002_DH21OT_09

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21154259	Nguyễn Tiến Phát	DH21OT			0,0	1,5	3,3	4,8	0012345678910	0123456789
18	21154266	Nguyễn Thanh Phú	DH21OT			0,0	1,8	4,0	1,8	0012345678910	0123456789
19	21154268	Lê Hồng Phúc	DH21OT			0,0	1,0	0,5	1,5	0012345678910	0123456789
20	21154275	Trần Bình Phương	DH21OT			0,75	2,25	1,5	4,5	0012345678910	0123456789
21	21154278	Vũ Minh Quân	DH21OT			0,0	1,5	0,5	2,0	0012345678910	0123456789
22	21154281	Đào Phú Quý	DH21OT			1,5	2,0	6,0	9,5	0012345678910	0123456789
23	21154283	Nguyễn Danh Quý	DH21OT			1,0	2,0	3,8	6,8	0012345678910	0123456789
24	21154285	Trần Tiến Sang	DH21OT			0,0	2,25	1,25	3,5	0012345678910	0123456789
25	21154286	Mai Phước Trường Sinh	DH21OT			0,25	2,0	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
26	21154291	Trần Tuấn Sơn	DH21OT			0,0	2,25	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
27	21154295	Nguyễn Chí Tài	DH21OT			1,25	2,25	3,0	6,5	0012345678910	0123456789
28	21154298	Huỳnh Minh Tâm	DH21OT		✓					0012345678910	0123456789
29	21154301	Nguyễn Minh Tâm	DH21OT			0,0	1,5	0,5	2,0	0012345678910	0123456789
30	21154094	Trịnh Ngọc Tâm	DH21OT			0,0	1,5	3,8	5,3	0012345678910	0123456789
31	21154304	Nguyễn Anh Tấn	DH21OT			0,25	2,0	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
32	21154096	Cao Huỳnh Xuân Thái	DH21OT			1,5	1,75	1,25	4,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02302

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21OT_09

Tổ Thi 002_DH21OT_09

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21154317	Phạm Dương Quốc	Thành	Thành		1,5	4,0	2,3	4,8	0012345678910	0123456789
34	21154324	Huỳnh Phúc	Thoại	Hoài		0,0	1,5	1,5	3,0	0012345678910	0123456789
35	21154331	Vũ Xuân	Tiến	Lu		0,0	1,5	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
36	21154335	Huỳnh Châu Triều	Toàn	Tran		0,0	1,5	1,0	2,5	0012345678910	0123456789
37	21154338	Nguyễn Nhật	Trí	Tk		0,25	2,3	0,25	2,8	0012345678910	0123456789
38	21154341	Nguyễn Văn	Triệu	Tien		0,0	1,8	1,0	2,8	0012345678910	0123456789
39	21154105	Trương Quốc	Trung	Truy		0,3	1,5	0,0	1,8	0012345678910	0123456789
40	21154108	Nguyễn Ngọc	Tuấn		V	0,0	1,0	1,0	2,0	0012345678910	0123456789
41	21154350	Lê Quang	Tuấn	Tuan		0,0	1,0	1,0	2,0	0012345678910	0123456789
42	21154359	Phan Thế	Vinh	Ph		0,5	2,0	3,8	6,3	0012345678910	0123456789
43	21154360	Trần Đình Quang	Vinh	Vinh		0,0	1,0	0,0	1,0	0012345678910	0123456789
44	21154362	Lê Phạm Anh	Vũ		(cấm thi)					0012345678910	0123456789
45	21154114	Hồ Phạm Tường	Vy	Ho		1,5	2,0	5,3	8,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02302

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071) 40 Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH21OT_09 Tổ Thi 002_DH21OT_09 Tên CBGD Vương Thành Tiên
Ngày Thi 18/07/2022 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi CT101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 42 Số sinh viên vắng 3.....

Ngày 15 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Quý

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Vương Thành Tiên

Ngày in : 20/06/2022



Mã nhận dạng 02303

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21OT_10**

Tổ Thi **001_DH21OT_10**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21154117	Đào Lê Xuân An	DH21OT			0,8	0,75	1,25	2,8	0010345678910	0123456789
2	21154119	Ngô Hoàng Ân	DH21OT			1,5	2,0	5,0	8,5	0012345678910	0123456789
3	21154130	Nguyễn Văn Bình	DH21OT			0,0	1,5	1,0	2,5	0010345678910	0123456789
4	21154133	Nguyễn Quốc Chí	DH21OT			0,0	1,5	1,3	2,8	0010345678910	0123456789
5	21154136	Lê Thành Công	DH21OT			0,0	1,5	0,8	2,3	0010345678910	0120456789
6	21154142	Phạm Thế Dân	DH21OT							0012345678910	0123456789
7	21154152	Chế Minh Anh Dũng	DH21OT			0,3	1,5	2,5	4,3	0012305678910	0120456789
8	21154155	Vũ Anh Dũng	DH21OT			(cấm thi)				0012345678910	0123456789
9	21154156	Nguyễn Lê Duy	DH21OT			1,0	1,25	3,25	6,5	0012345078910	0123406789
10	21154158	Nguyễn Quốc Duy	DH21OT			1,5	1,8	4,0	7,3	0012345608910	0120456789
11	21154159	Vũ Duy	DH21OT							0012345678910	0123456789
12	21154148	Võ Đình Đạt	DH21OT			1,5	1,5	1,3	4,3	0012305678910	0120456789
13	21154007	Đinh Nhật Đăng	DH21OT			0,75	1,5	0,25	2,5	0010345678910	0123406789
14	21154143	Lê Hoàng Khánh Đăng	DH21OT			0,25	1,8	1,25	3,3	0012045678910	0120456789
15	21154149	Hoàng Thế Tiểu Đệ	DH21OT			0,75	1,25	1,0	3,5	0012045678910	0123406789
16	21154150	Nguyễn Hoàng Đông	DH21OT			1,0	1,5	1,5	4,0	0012305678910	0123456789



Mã nhận dạng 02303

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21OT_10

Tổ Thi 001_DH21OT_10

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21154160	Nguyễn Đặng Hoàng Gia	DH21OT			1,25	2,0	4,75	8,0	0012345678910	0123456789
18	21154163	Vũ Trường Hải	DH21OT			1,0	1,75	5,25	8,0	0012345678910	0123456789
19	21154164	Đỗ Tuấn Hào	DH21OT			0,0	1,5	0,0	1,5	0012345678910	0123456789
20	21154165	Huỳnh Chí Hào	DH21OT			0,0	0,75	0,25	1,0	0012345678910	0123456789
21	21154191	Nguyễn Quang Huy	DH21OT			0,0	1,0	2,0	3,0	0012345678910	0123456789
22	21154192	Phan Hà Huy	DH21OT			0,25	1,75	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
23	21154035	Trần Ngọc Gia	DH21OT			(cấm thi)				0012345678910	0123456789
24	19118083	Nguyễn Duy Hưng	DH19CK			1,3	2,0	3,0	6,3	0012345678910	0123456789
25	21154193	Phan Đình Minh Kha	DH21OT			0,0	1,0	1,0	2,0	0012345678910	0123456789
26	21154197	Nguyễn Duy Khang	DH21OT							0012345678910	0123456789
27	21154045	Trần Lê Thiên Khoa	DH21OT			1,25	1,25	1,0	4,0	0012345678910	0123456789
28	21154202	Nguyễn Trung Kiên	DH21OT			1,25	1,75	2,0	5,0	0012345678910	0123456789
29	21154207	Lương Thành Kim	DH21OT			0,0	1,8	0,5	2,3	0012345678910	0123456789
30	21154216	Đinh Hoàng Châu Long	DH21OT							0012345678910	0123456789
31	21154218	Nguyễn Vũ Thiên Long	DH21OT			0,0	1,0	0,5	1,5	0012345678910	0123456789
32	21154226	Nguyễn Thành Luân	DH21OT			1,25	2,25	0,5	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02303

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21OT_10

Tổ Thi 001_DH21OT_10

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD202

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21154227	Võ Thành Luân	DH21OT			0,0	1,3	0,15	1,8	0 0 0 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	21154230	Phạm Văn Mạnh	DH21OT			0,0	1,0	0,13	1,3	0 0 0 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	21154229	Lê Mẫn	DH21OT			0,25	1,75	1,0	3,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi 29 Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N. V. Kiệp

Nguyễn Đức Kiên

TS. Nguyễn Đức Khuyến

B. V. Thành Tiên



Mã nhận dạng 02304

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH21OT_10**

Tổ Thi **002_DH21OT_10**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21154232	Nguyễn Bình Minh	DH21OT	<i>linh</i>		1,5	2,0	3,3	6,8	0012345678910	0123456789
2	21154244	Đoàn Ngọc	DH21OT	<i>Đ</i>		0,5	1,5	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
3	21154247	Nguyễn Thảo Nguyên	DH21OT	<i>Nguyễn</i>		1,5	1,5	0,5	3,5	0012345678910	0123456789
4	21154250	Nguyễn Đình Nhân	DH21OT	<i>Nguyễn</i>		0,8	2,0	4,5	7,3	0012345678910	0123456789
5	21154256	Võ Ngọc Minh	DH21OT	<i>Ng</i>		0,0	1,0	0,8	1,8	0012345678910	0123456789
6	21154258	Lê Thành Phát	DH21OT	<i>Phat</i>		0,75	1,25	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
7	21154260	Võ Thiên Phát	DH21OT	<i>phat</i>		1,5	1,75	2,25	5,5	0012345678910	0123456789
8	21154272	Trần Tô Đức	DH21OT		(cấm thi)					0012345678910	0123456789
9	21154273	Trương Hồng Phúc	DH21OT		(cấm thi)					0012345678910	0123456789
10	21154279	Đỗ Nhật Quang	DH21OT	<i>Đ</i>		0,25	1,5	3,75	5,5	0012345678910	0123456789
11	21154280	Nguyễn Tuấn Quang	DH21OT	<i>Quang</i>		1,5	2	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
12	21154277	Trần Đức Minh	DH21OT	<i>Đ</i>		1,0	1,5	3	5,5	0012345678910	0123456789
13	21154284	Bùi Ngọc Quyết	DH21OT		(cấm thi)					0012345678910	0123456789
14	21154288	Lý Hồng Sơn	DH21OT	<i>Son</i>		0,0	1,5	2,0	3,5	0012345678910	0123456789
15	21154290	Nguyễn Thanh Sơn	DH21OT	<i>S</i>		0,5	1,5	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
16	21154293	Đinh Công Tài	DH21OT	<i>Tai</i>		0,25	1,75	2,0	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02304

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21OT_10

Tổ Thi 002_DH21OT_10

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21154296	Trần Phát Tài	DH21OT			0,0	0,5	0,5	1,0	00002345678910	0123456789
18	21154297	Giáp Thành Tâm	DH21OT			0,75	1,25	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
19	21154300	Nguyễn Đình Tâm	DH21OT			1,0	1,8	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
20	21154303	Mai Lê Xuân Tấn	DH21OT			1,0	1,8	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
21	21154305	Hồ Hồng Thạch	DH21OT			1,5	1,5	3,3	6,3	0012345678910	0123456789
22	21154315	Phạm Chí Thành	DH21OT			1,3	2,0	1,0	4,3	0012345678910	0123456789
23	21154316	Phạm Đình Thành	DH21OT			0,25	1,0	0,25	1,5	00002345678910	0123456789
24	21154307	Lê Viết Thắng	DH21OT			1,5	1,8	2,0	5,3	0012345678910	0123456789
25	21154308	Nguyễn Đức Thịnh	DH21OT			0,0	1,5	0,8	2,3	0012345678910	0123456789
26	21154320	Lê Đức Thiện	DH21OT			0,5	1,5	2,3	4,3	0012345678910	0123456789
27	21154321	Nguyễn Phước Thiện	DH21OT			1,5	1,8	4,0	7,3	0012345678910	0123456789
28	21154323	Nguyễn Hoàng Trường	DH21OT			0,0	1,0	2,0	3,0	0012345678910	0123456789
29	21154326	Trần Hoàng Thông	DH21OT			1,0	1,25	2,75	5,5	0012345678910	0123456789
30	21154330	Nguyễn Minh Tiến	DH21OT		✓					0012345678910	0123456789
31	21154334	Hoàng Tiến Toàn	DH21OT			0,0	1,0	1,8	2,8	0012345678910	0123456789
32	21154336	Nguyễn Trần Quốc Toàn	DH21OT			0,5	2,3	1,5	4,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02304

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21OT_10

Tổ Thi 002_DH21OT_10

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21154339	Trần Anh Trí	DH21OT			1,25	2,25	0,5	4,0	0012345678910	0123456789
34	21154340	Trương Công Trí	DH21OT			1,5	2,5	4,0	8,0	0012345678910	0123456789
35	21154342	Tạ Khánh Trinh	DH21OT			0,75	2,0	2,75	5,5	0012345678910	0123456789
36	21154348	Nguyễn Thanh Tú	DH21OT			0,25	1,8	3,75	5,8	0012345678910	0123456789
37	21154349	Hồ Võ Duy Tuấn	DH21OT			1,5	2,0	1,5	5,0	0012345678910	0123456789
38	21154352	Nguyễn Minh Tuấn	DH21OT			0,10	1,0	2,5	3,5	0012345678910	0123456789
39	21154355	Võ Thành Tuấn	DH21OT			0,5	1,8	3,5	5,8	0012345678910	0123456789
40	21154356	Trần Lê Thanh Tùng	DH21OT			1,5	1,75	4,75	8,0	0012345678910	0123456789
41	21154357	Lê Hoàng Viễn	DH21OT			1,0	1,75	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
42	21154361	Hồ Mai Minh Vũ	DH21OT			1,5	1,25	2,25	5,5	0012345678910	0123456789
43	21154363	Huỳnh Thái Vy	DH21OT			1,5	1,0	3,3	5,8	0012345678910	0123456789
44	21154364	Nguyễn Minh Ý	DH21OT			0,0	1,5	0,3	1,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02304

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH21OT_10

Tổ Thi 002_DH21OT_10

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 4 Số sinh viên vắng 4

Ngày 15 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Nam Cường

Nguyễn Văn Tuấn

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 02315

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Máy nâng chuyển(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_01

Tổ Thi 001_DH19CK_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 21/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi 70	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118006	Nguyễn Thành	Băng	DH19CK		1,0	1,5	4,2	6,7	0012345678910	0123456789
2	19118007	Dương Gia	Bào	DH19CK		1,0	1,3	3,8	5,1	0012345678910	0123456789
3	19118011	Ngô Quốc	Bào	DH19CK		1,0	1,1	4,2	6,2	0012345678910	0123456789
4	19118018	Lê Minh	Cánh	DH19CC		1,0	1,5	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
5	19118019	Lê Minh	Chiến	DH19CK		1,0	0,0	2,1	3,1	0012345678910	0123456789
6	18118010	Nguyễn Hoàng	Chinh	DH18CK		0,9	1,4	4,6	6,9	0012345678910	0123456789
7	19118022	Đặng Mai	Chung	DH19CK		1,0	1,5	4,2	6,7	0012345678910	0123456789
8	19118025	Diệp Kiến	Cường	DH19CK		1,0	0,9	4,6	6,5	0012345678910	0123456789
9	19118030	Chế Nguyễn Văn	Danh	DH19CK		1,0	1,3	4,2	6,5	0012345678910	0123456789
10	19118031	Trần Đức	Danh	DH19CK		1,0	1,3	3,0	6,2	0012345678910	0123456789
11	18118034	Nguyễn Đức	Duy	DH18CK		0,9	1,5	4,2	6,6	0012345678910	0123456789
12	19118034	Nguyễn Công	Đạt	DH19CK		✓				0012345678910	0123456789
13	19118040	Lê Văn	Đô	DH19CK		1,0	1,3	5,3	7,6	0012345678910	0123456789
14	19118042	Trần Hữu	Đức	DH19CK		1,0	1,1	5,6	7,7	0012345678910	0123456789
15	19118064	Ngô Thành	Hiệp	DH19CK		✓				0012345678910	0123456789
16	19118072	Lăng Ngọc	Hoàng	DH19CK		1,0	0,9	3,9	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02315

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Máy nâng chuyên(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_01

Tổ Thi 001_DH19CK_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 21/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118076	Nguyễn Việt Hoàng	DH19CK			0,9	1,4	4,2	6,5	0012345678910	0123456789
18	19118088	Hà Quang Huy	DH19CK			1,0	1,1	4,3	7,0	0012345678910	0123456789
19	19118093	Nguyễn Minh Huy	DH19CK			1,0	1,1	4,2	6,3	0012345678910	0123456789
20	19118081	Ngô Trung Hưng	DH19CK			1,0	1,3	4,6	6,9	0012345678910	0123456789
21	19118083	Nguyễn Duy Hưng	DH19CK			1,0	1,5	4,2	6,8	0012345678910	0123456789
22	19118111	Đặng Hoàng Kiệt	DH19CK			1,0	1,1	3,9	6,0	0012345678910	0123456789
23	19118112	Ngô Tấn Kiệt	DH19CK			1,0	1,5	4,6	7,1	0012345678910	0123456789
24	19118113	Nguyễn Duy Kiệt	DH19CK			1,0	1,3	4,2	6,5	0012345678910	0123456789
25	19118118	Nguyễn Tùng Lâm	DH19CK			1,0	1,4	5,6	8,0	0012345678910	0123456789
26	19118121	Nguyễn Cảnh Liêm	DH19CK			1,0	1,1	4,9	7,0	0012345678910	0123456789
27	19118122	Đinh Kỳ Linh	DH19CC			1,0	1,5	4,2	6,7	0012345678910	0123456789
28	19118123	Nguyễn Như Linh	DH19CK			0,8	0,9	2,8	4,5	0012345678910	0123456789
29	19118127	Nguyễn Bình Lộc	DH19CK			0,9	1,3	3,9	6,1	0012345678910	0123456789
30	19118128	Trần Thanh Lộc	DH19CK			1,0	1,4	4,2	6,6	0012345678910	0123456789
31	19118129	Nguyễn Bá Lợi	DH19CK			1,0	1,4	4,9	7,3	0012345678910	0123456789
32	19118137	Bùi Duy Lũy	DH19CK			1,0	1,5	3,9	6,4	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02315

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Máy nâng chuyển(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_01

Tổ Thi 001_DH19CK_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 21/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118144	Lê Trần Nhật	Minh	DH19CK		1,0	1,3	1,6	6,9	0012345678910	0123456789
34	19118147	Hoàng Phương	Nam	DH19CK		1,0	1,4	1,6	7,0	0012345678910	0123456789
35	19118148	Huỳnh Hoài	Nam	DH19CK		0,9	1,4	2,2	6,5	0012345678910	0123456789
36	19118149	Lâm Nhật	Nam	DH19CK		1,0	1,1	2,9	7,0	0012345678910	0123456789
37	19118151	Trần Duy Nhật	Nam	DH19CK		1,0	1,1	1,2	6,3	0012345678910	0123456789
38	19118158	Lê Hoàng Minh	Ngọc	DH19CK		1,0	1,1	0,7	2,8	0012345678910	0123456789
39	19118168	Thân Văn	Như	DH19CK		1,0	1,3	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
40	19118171	Trần Trường	Phát	DH19CK		1,0	1,3	2,8	5,1	0012345678910	0123456789
41	18118104	Nguyễn Thanh	Phi	DH18CK		0,9	1,1	5,6	7,6	0012345678910	0123456789
42	19118183	Phạm Công	Phương	DH19CK		1,0	1,1	1,9	7,0	0012345678910	0123456789
43	19118184	Phạm Minh	Phương	DH19CK		1,0	1,4	1,9	7,3	0012345678910	0123456789
44	19118189	Lê Vinh	Quang	DH19CK		0,9	1,1	0,7	2,7	0012345678910	0123456789
45	19118187	Trương Quang	Quân	DH19CK		0,9	1,1	3,9	6,2	0012345678910	0123456789
46	19118191	Trương Thanh	Quý	DH19CK		1,0	1,3	6,7	9,4	0012345678910	0123456789
47	19118193	Huỳnh Văn	Quyết	DH19CK		0,9	1,1	1,6	6,6	0012345678910	0123456789
48	19118198	Nguyễn Trường	Sơn	DH19CK		1,0	1,1	5,3	7,1	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02315

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Máy nâng chuyên(207217)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_01

Tổ Thi 001_DH19CK_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 21/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV102

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK			1,0	1,2	5,6	7,9	0012345678910	0123456789
50	19118215	Trần Ngọc Thanh	DH19CC			1,0	1,5	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
51	19118216	Nguyễn Tiến Thành	DH19CK			0,9	1,1	4,6	6,6	0012345678910	0123456789
52	19118212	Trần Quốc Thắng	DH19CK			1,0	0,9	4,6	6,5	0012345678910	0123456789
53	19118222	Nguyễn Trần Xuân Thiên	DH19CK		✓					0012345678910	0123456789
54	19118232	Ngô Kế Minh Thuận	DH19CK			0,9	1,2	3,9	6,1	0012345678910	0123456789
55	19118233	Nguyễn Nam Thuận	DH19CC			0,9	0,9	5,3	7,1	0012345678910	0123456789
56	19118238	Trần Minh Tiến	DH19CC			1,0	1,5	4,2	6,7	0012345678910	0123456789
57	19118241	Trần Hữu Tín	DH19CK			1,0	1,5	5,6	8,1	0012345678910	0123456789
58	19118252	Nguyễn Trần Minh Trí	DH19CK			1,0	1,1	5,3	7,4	0012345678910	0123456789
59	19118257	Trương Minh Trung	DH19CK			1,0	0,9	3,2	5,1	0012345678910	0123456789
60	19118259	Nguyễn Đức Trường	DH19CK			1,0	1,1	6,2	8,4	0012345678910	0123456789
61	19118264	Cao Linh Tuấn	DH19CK			1,0	1,1	5,6	7,7	0012345678910	0123456789
62	19118271	Phạm Bá Tường	DH19CK			1,0	1,1	3,5	5,6	0012345678910	0123456789
63	19118272	Nguyễn Quốc Vĩ	DH19CK			0,9	0,9	3,2	5,0	0012345678910	0123456789
64	19118276	Phạm Thái Bảo Vinh	DH19CK			1,0	1,1	2,8	5,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02315

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Máy nâng chuyên(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_01

Tổ Thi

001_DH19CK_01

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 21/07/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV102

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 16%	Đ2 24%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19118282	Nguyễn Quốc Vương	DH19CK			1,0	4,3	3,9	8,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 62 Số sinh viên vắng ...3..

Ngày 14 Tháng 8 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trần Văn Tuấn

Phạm Trọng Nghĩa

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Trần Văn Tuấn



Mã nhận dạng 02316

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Máy nâng chuyển(207217)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19TD_02

Tổ Thi 001_DH19TD_02

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 21/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 2%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138001	Võ Hoà An	DH19TD			1,0	1,1	2,1	4,2	0012345678910	0123456789
2	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC			0,9	1,5	4,6	7,0	0012345678910	0123456789
3	19138003	Nguyễn Thanh Ban	DH19TD			0,9	0,9	0,7	2,5	0012345678910	0123456789
4	19138007	Trần Mạnh Cường	DH19TD			0,8	1,6	0,7	3,1	0012345678910	0123456789
5	19138015	Lê Đình Duy	DH19TD			1,0	0,9	5,3	7,2	0012345678910	0123456789
6	19138009	Hà Lê Quang Đạt	DH19TD			0,9	1,5	3,2	5,6	0012345678910	0123456789
7	19138012	Huỳnh Minh Đoàn	DH19TD			1,0	1,1	2,8	4,9	0012345678910	0123456789
8	19138013	Võ Anh Đức	DH19TD			1,0	1,4	5,6	8,0	0012345678910	0123456789
9	19138017	Trần Chí Hải	DH19TD			1,0	1,3	4,9	7,2	0012345678910	0123456789
10	19138018	Lê Minh Hậu	DH19TD			1,0	0,9	2,8	4,7	0012345678910	0123456789
11	19138019	Phạm Thị Hiền	DH19TD			1,0	1,6	6,0	8,6	0012345678910	0123456789
12	19138020	Đinh Văn Hiền	DH19TD			0,9	1,1	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
13	19138023	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD			1,0	1,3	5,6	7,9	0012345678910	0123456789
14	19138024	Võ Ngọc Hội	DH19TD			0,9	1,5	4,6	7,0	0012345678910	0123456789
15	19138027	Bùi Huỳnh Song Huy	DH19TD			1,0	0,9	2,5	4,4	0012345678910	0123456789
16	19138026	Nguyễn Viết Hưng	DH19TD			1,0	1,1	2,5	4,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02316

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Máy nâng chuyên(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19TD_02

Tổ Thi 001_DH19TD_02

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 21/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118103	Mai Hoàng Khải	DH19CC	Khai		1,0	1,5	4,9	7,4	0012345678910	0123456789
18	19138034	Nguyễn Lê Hữu Khang	DH19TD	KG		0,9	0,9	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
19	19138038	Bùi Đăng Khoa	DH19TD	K		1,0	1,1	4,2	6,3	0012345678910	0123456789
20	19138041	Nguyễn Trung Kiên	DH19TD	Kien		0,8	1,1	2,8	4,7	0012345678910	0123456789
21	19138044	Đặng Thành Long	DH19TD	Long		1,0	0,9	5,6	7,5	0012345678910	0123456789
22	19138045	Bùi Văn Hữu Luân	DH19TD	Lu		1,0	1,4	4,2	6,6	0012345678910	0123456789
23	19118146	Thạch Minh	DH19CC	Th		0,9	1,3	4,6	6,8	0012345678910	0123456789
24	19138046	Võ Văn Minh	DH19TD	V		1,0	1,1	5,6	7,7	0012345678910	0123456789
25	19138048	Nguyễn Cà Na	DH19TD	Ca		1,0	1,1	4,9	7,0	0012345678910	0123456789
26	19138050	Huỳnh Phạm Chánh Nghĩa	DH19TD	Ng		1,0	1,1	5,6	7,7	0012345678910	0123456789
27	19138051	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19TD	Ng		0,8	1,3	5,3	7,4	0012345678910	0123456789
28	19138052	Đặng Nghĩa Nhân	DH19TD	Ng		0,8	1,1	3,9	5,8	0012345678910	0123456789
29	19138054	Đoàn Lê Quang Nhật	DH19TD	Nhat		1,0	1,1	2,5	4,6	0012345678910	0123456789
30	19138055	Trần Đình Nhon	DH19TD	Tr		1,0	1,4	3,2	5,6	0012345678910	0123456789
31	19138057	Trần Minh Nhựt	DH19TD	Tr		1,0	1,5	3,2	5,7	0012345678910	0123456789
32	19138058	Phạm Nguyễn Anh Pha	DH19TD	Pha		1,0	1,3	3,5	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02316

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Máy nâng chuyển(207217)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19TD_02

Tổ Thi

001_DH19TD_02

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 21/07/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19138059	Nguyễn Thành Phâm	DH19TD			1,0	0,9	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
34	19138060	Nguyễn Bảo Phi	DH19TD			0,9	1,3	4,0	7,1	0012345678910	0123456789
35	19138061	Nguyễn Châu Phi	DH19TD		✓					0012345678910	0123456789
36	19138062	Nguyễn Quốc Phú	DH19TD			1,0	1,3	3,9	6,2	0012345678910	0123456789
37	19138065	Lê Đăng Quang	DH19TD			1,0	1,1	3,9	6,3	0012345678910	0123456789
38	19138068	Lê Bá Nam Sơn	DH19TD			0,9	1,5	4,2	6,6	0012345678910	0123456789
39	19138071	Nguyễn Bá Thái	DH19TD			1,0	1,1	3,5	5,6	0012345678910	0123456789
40	19138072	Trần Hoàng Thái	DH19TD			1,0	1,1	3,5	5,6	0012345678910	0123456789
41	19138075	Trần Công Thịnh	DH19TD			0,9	1,3	5,3	7,5	0012345678910	0123456789
42	19130217	Ngô Tùng Thông	DH19TD			0,8	1,1	3,9	5,8	0012345678910	0123456789
43	19138076	Hồ Thị Hà Thư	DH19TD			0,9	1,1	5,3	7,3	0012345678910	0123456789
44	19138077	Dương Văn Tiến	DH19TD			1,0	1,4	5,3	7,7	0012345678910	0123456789
45	19138078	Nguyễn Văn Tiến	DH19TD		✓					0012345678910	0123456789
46	19138081	Nguyễn Minh Toàn	DH19TD		✓					0012345678910	0123456789
47	19118245	Nguyễn Văn Toán	DH19CC			1,0	1,7	6,7	9,4	0012345678910	0123456789
48	19138082	Quách Xuân Trà	DH19TD			1,0	1,3	5,6	7,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02316

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Máy nâng chuyên(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19TD_02

Tổ Thi 001_DH19TD_02

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 21/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 2%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19138083	Nguyễn Thế Trần	DH19TD			1,0	0,9	5,3	7,2	0012345678910	0123456789
50	19138084	Trần Anh Trí	DH19TD			1,0	1,1	4,8	6,9	0012345678910	0123456789
51	19138088	Nguyễn Nhật Trường	DH19TD			9,8	1,3	5,6	7,7	0012345678910	0123456789
52	19138089	Đặng Minh Tuấn	DH19TD			1,0	0,9	4,9	6,8	0012345678910	0123456789
53	19138091	Trương Thế Vinh	DH19TD			1,0	0,9	4,9	6,8	0012345678910	0123456789
54	19118280	Nguyễn Hoàng Vũ	DH19CC			1,0	1,1	5,3	8,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 54. Số sinh viên vắng 03

Ngày 14 Tháng 8 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Quang Vinh

Võ Huy Thịnh

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Trần Văn Tuấn

Ngày in : 20/06/2022



Mã nhận dạng 02320

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CKC_01

Tổ Thi 001_DH19CKC_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 28/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118287	Nguyễn Quốc Bảo	DH19CKC			1,0	1,5	4,8	4,3	0012345678910	0123456789
2	19118027	Nguyễn Cường	DH19CKC			0,9	1,8	2,1	4,8	0012345678910	0123456789
3	19118290	Nguyễn Tô Hoàng Đạt	DH19CKC			0,9	1,5	0,7	3,1	0012345678910	0123456789
4	19118295	Huỳnh Tấn Học	DH19CKC			1,0	1,5	4,6	7,1	0012345678910	0123456789
5	19118296	Đinh Đức Mạnh	DH19CKC			0,9	1,5	0,7	3,1	0012345678910	0123456789
6	19118297	Nguyễn Thành Nam	DH19CKC			0,9	1,5	5,6	8,0	0012345678910	0123456789
7	19118298	Nguyễn Tấn Nhã	DH19CKC			1,0	1,5	2,1	4,6	0012345678910	0123456789
8	19118180	Huỳnh Hoàng Phúc	DH19CKC			0,8	1,5	1,1	3,4	0012345678910	0123456789
9	19118302	Nguyễn Như Qui	DH19CKC			1,0	1,6	0,7	3,3	0012345678910	0123456789
10	19118304	Phan Sáng	DH19CKC			1,0	1,5	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
11	19118303	Nguyễn Phan Đức Sâm	DH19CKC			1,0	1,5	0,7	3,2	0012345678910	0123456789
12	19118307	Nguyễn Tín Trọng	DH19CKC			1,0	2,0	5,6	8,6	0012345678910	0123456789
13	19118308	Bùi Trọng Trường	DH19CKC			0,8	1,8	5,6	8,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02320

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CKC_01

Tổ Thi

001_DH19CKC_01

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 28/07/2022

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 13 Số sinh viên vắng ...

Ngày 14 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Lo Quang Vinh


nguyễn nhứt long


TS. Nguyễn Đức Khuyến


Trần Văn Tuấn



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207231) - 20

CBGD: Khoa Quản Lý Khoa Ck (T277)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC	<i>Anh</i>					8,1	0012345678910	0123456789
2	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC	<i>Hoàng</i>					8,3	0012345678910	0123456789
3	18118012	Tạ Đức Cao	DH18CC	<i>Cao</i>					8,4	0012345678910	0123456789
4	18118029	Trần Vĩnh Dụng	DH18CC	<i>Dụng</i>					7,6	0012345678910	0123456789
5	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC	<i>Duy</i>					7,8	0012345678910	0123456789
6	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC	<i>✓</i>						0012345678910	0123456789
7	18118036	Ứng Phương Duy	DH18CC	<i>Duy</i>					8,0	0012345678910	0123456789
8	18118021	Nguyễn Tiến Đạt	DH18CC	<i>Đạt</i>					8,0	0012345678910	0123456789
9	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC	<i>Đạt</i>					8,1	0012345678910	0123456789
10	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC	<i>✓</i>						0012345678910	0123456789
11	18118024	Lê Xuân Đức	DH18CC	<i>Đức</i>					7,3	0012345678910	0123456789
12	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC	<i>Hiệp</i>					8,2	0012345678910	0123456789
13	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC	<i>Khiêm</i>					8,0	0012345678910	0123456789
14	18118058	Đào Đăng Khoa	DH18CC	<i>Khoa</i>					8,3	0012345678910	0123456789
15	18118077	Thét Chủ Long	DH18CC	<i>Long</i>					7,4	0012345678910	0123456789
16	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC	<i>Lộc</i>					7,7	0012345678910	0123456789

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Khoa Quản Lý Khoa Ck (T277)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC						7,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC						8,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
19	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC						8,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	18118090	Phan Trung Nghĩa	DH18CC						7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC						8,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	18118100	Dương Thị Tuyết Nhi	DH18CC						8,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC						8,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
26	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC						7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
27	18118137	Nguyễn Hoàng Thế	DH18CC						8,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
28	18118152	Dương Minh Tiên	DH18CC						8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
29	18118155	Nguyễn Phát Tín	DH18CC						8,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
30	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
31	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC						8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
32	18118166	Nguyễn Quốc Trung	DH18CC						8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207231) - 20

CBGD: Khoa Quản Lý Khoa Ck (T277)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118178	Nguyễn Thanh Tùng	DH18CC						7,9	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC						7,9	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	18118183	Nguyễn Hồ Phú	DH18CC						8,0	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	18118185	Trần Phúc	DH18CC						8,2	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	18118186	Hoàng Long Vũ	DH18CC							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 03

Hiện diện: 34

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thanh Tùng

Lê Anh Đức

Nguyễn Thanh Tùng



Mã nhận dạng 02331

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ & thiết bị SX thức ăn chăn nuôi(202247

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 001_DH19CC_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 30/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC			0,9	1,8	3,9	6,5	0012345678910	0123456789
2	19118016	Nguyễn Văn Ca	DH19CC			0,9	2,0	3,9	6,8	0012345678910	0123456789
3	19118018	Lê Minh Cảnh	DH19CC			1,0	1,8	3,6	6,4	0012345678910	0123456789
4	19118020	Nguyễn Đoàn Công Chiến	DH19CC			1,0	2,0	5,4	8,4	0012345678910	0123456789
5	19118026	Đinh Ngọc Cường	DH19CC			1,0	2,0	3,9	6,9	0012345678910	0123456789
6	19118044	Trần Nhật Dũng	DH19CC			0,8	1,6	1,8	4,2	0012345678910	0123456789
7	19118049	Huỳnh Khánh Duy	DH19CC			0,8	1,8	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
8	19118051	Phan Phúc Duy	DH19CC			0,8	1,8	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
9	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC			1,0	2,0	5,2	8,2	0012345678910	0123456789
10	19118035	Nguyễn Mai Quốc Đạt	DH19CC			0,8	1,6	3,8	5,6	0012345678910	0123456789
11	19118037	Phạm Thế Đạt	DH19CC			1,0	2,0	3,9	6,9	0012345678910	0123456789
12	19118041	K' Đông	DH19CC			1,0	2,0	3,9	6,9	0012345678910	0123456789
13	19118059	Nguyễn Chí Hào	DH19CC			1,0	2,2	4,8	8,0	0012345678910	0123456789
14	19118060	Dương Trung Hậu	DH19CC			1,0	2,4	4,8	8,2	0012345678910	0123456789
15	19118061	Lê Lý Hậu	DH19CC			1,0	2,2	3,9	7,1	0012345678910	0123456789
16	19118079	Trần Lê Phúc Hội	DH19CC			1,0	2,0	3,9	6,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02331

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ & thiết bị SX thức ăn chăn nuôi(208243

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 001_DH19CC_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 30/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118087	Đỗ Quốc Huy	DH19CC			0,9	1,7	3,3	5,9	0012345678910	0123456789
18	19118101	Lê Duy Kha	DH19CC			1,0	2,0	3,9	6,9	0012345678910	0123456789
19	19118104	Nguyễn Chí Khải	DH19CC			0,7	0,8	1,2	2,7	0012345678910	0123456789
20	19118110	Lâm Hào Khôn	DH19CC			1,0	2,2	4,2	7,4	0012345678910	0123456789
21	19118116	Lâm Văn La	DH19CC			1,0	2,1	4,2	7,3	0012345678910	0123456789
22	19118117	Nguyễn Trường Lâm	DH19CC			1,0	1,9	3,9	6,8	0012345678910	0123456789
23	19118122	Đinh Kỳ Linh	DH19CC			1,0	1,6	4,2	7,1	0012345678910	0123456789
24	19118131	Lê Hoàng Long	DH19CC			0,7	2,3	3,6	6,6	0012345678910	0123456789
25	19118133	Trần Hữu Khánh Luân	DH19CC			1,0	2,0	4,2	7,2	0012345678910	0123456789
26	19118139	Đinh Minh Mẫn	DH19CC			0,9	1,8	4,2	6,9	0012345678910	0123456789
27	19118154	Phạm Minh Nghĩa	DH19CC			0,8	2,0	4,8	7,6	0012345678910	0123456789
28	19118160	Trần Bá Nguyên	DH19CC			0,9	1,5	2,4	4,8	0012345678910	0123456789
29	19118161	Lê Dương Thiện Nhân	DH19CC		✓					0012345678910	0123456789
30	17118069	Lê Văn Nhân	DH17CC			1,0	2,2	4,8	8,0	0012345678910	0123456789
31	19118164	Trần Thanh Nhân	DH19CC			1,0	2,0	5,4	8,4	0012345678910	0123456789
32	19118170	Nguyễn Hoàng Ninh	DH19CC			1,0	2,4	3,6	7,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02331

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ & thiết bị SX thức ăn chăn nuôi(208248

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 001_DH19CC_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 30/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi G	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118173	Bùi Trung Phong	DH19CC			0,8	1,8	2,7	5,3	0012345678910	0123456789
34	19118188	Bùi Nguyễn Quang	DH19CC			1,0	2,2	2,8	8,0	0012345678910	0123456789
35	19118186	Nguyễn Ngọc Quân	DH19CC			1,0	2,0	3,9	6,9	0012345678910	0123456789
36	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC			1,0	1,8	2,3	6,1	0012345678910	0123456789
37	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC			0,9	1,8	4,6	6,3	0012345678910	0123456789
38	19118215	Trần Ngọc Thanh	DH19CC			1,0	1,9	3,9	6,8	0012345678910	0123456789
39	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC			1,0	1,9	3,3	6,2	0012345678910	0123456789
40	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC			1,0	2,1	4,5	8,6	0012345678910	0123456789
41	19118230	Nguyễn Thị Anh Thư	DH19CC			0,9	2,3	3,0	6,2	0012345678910	0123456789
42	19118243	Nguyễn Tấn Tịch	DH19CC			0,8	2,3	5,1	8,2	0012345678910	0123456789
43	19118246	Nguyễn Văn Toàn	DH19CC			0,9	1,0	3,9	6,7	0012345678910	0123456789
44	19118245	Nguyễn Văn Toán	DH19CC			1,0	2,3	6,0	9,3	0012345678910	0123456789
45	19118251	Trần Thị Thiên Trang	DH19CC			1,0	2,0	5,8	8,7	0012345678910	0123456789
46	19118250	Huỳnh Trần Bảo Trân	DH19CC			1,0	1,8	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
47	19118258	Vũ Đình Trung	DH19CC			1,0	2,1	3,9	7,0	0012345678910	0123456789
48	19118260	Nguyễn Nhật Trường	DH19CC			1,0	2,0	3,6	6,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02331

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ & thiết bị SX thức ăn chăn nuôi(207248) Số Tín Ch 3
 Nhóm Thi DH19CC_01 Tô Thi 001_DH19CC_01 Tên CBGD Trần Văn Tuấn
 Ngày Thi 30/07/2022 Giờ Thi 12:15 Phòng Thi TV201

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 K2%	Đ2 30%	Điểm thức	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118269	Trần Nguyễn Đức Tuấn	DH19CC			0,9	1,9	3,0	5,8	0012345678910	0123456789
50	19118284	Lâm Tuấn Vỹ	DH19CC			0,9	1,9	4,2	7,0	0012345678910	0123456789
51	19118285	Phạm Huỳnh Phúc Yên	DH19CC			1,0	2,0	4,8	7,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 50 Số sinh viên vắng ...01

Ngày 14 Tháng 8 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Minh Hiền

Võ Huy Thịnh

TS. Nguyễn Đức Khuyển

Trần Văn Tuấn



Mã nhận dạng 02332

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ & thiết bị SX thức ăn chăn nuôi(208247)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 001_DH19CC_02

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 30/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 30%	Điểm thi 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC	Anh		0,9	1,9	3,6	6,4	0012345678910	0123456789
2	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC	Ban		1,0	1,8	3,9	6,7	0012345678910	0123456789
3	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC	Bao		1,0	2,0	5,4	8,4	0012345678910	0123456789
4	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc Bảo	DH19CC	Bao		1,0	1,5	3,3	5,8	0012345678910	0123456789
5	19118017	Đỗ Tấn Cảnh	DH19CC	Canh		1,0	2,0	3,9	6,9	0012345678910	0123456789
6	19118024	Đậu Thành Công	DH19CC	Con		1,0	1,5	2,7	5,2	0012345678910	0123456789
7	19118043	Huỳnh Quốc Dũng	DH19CC	Dung		0,9	1,8	4,2	6,9	0012345678910	0123456789
8	19118048	Dương Hoàng Duy	DH19CC	Duy		1,0	1,9	4,2	7,1	0012345678910	0123456789
9	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC	Dat		0,9	1,1	2,7	4,7	0012345678910	0123456789
10	19118039	Bùi Ngọc Diệp	DH19CC	Diap		0,9	1,8	3,0	5,6	0012345678910	0123456789
11	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC	Hai		1,0	2,3	5,7	9,0	0012345678910	0123456789
12	19118057	Huỳnh Gia Hào	DH19CC	Hao		1,0	1,9	3,6	6,5	0012345678910	0123456789
13	19118074	Ngô Minh Hoàng	DH19CC	Hocng		0,9	1,9	3,0	5,8	0012345678910	0123456789
14	19118085	Đặng Minh Huy	DH19CC	Huy		1,0	2,0	3,9	6,9	0012345678910	0123456789
15	19118094	Nguyễn Nam Huy	DH19CC	Huy		1,0	2,1	5,8	8,8	0012345678910	0123456789
16	19118095	Nguyễn Quang Huy	DH19CC	Huy		1,0	1,8	3,6	6,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02332

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ & thiết bị SX thức ăn chăn nuôi(208248) Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_02 Tổ Thi 001_DH19CC_02 Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 30/07/2022 Giờ Thi 12:15 Phòng Thi TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118082	Nguyễn Cao Hưng	DH19CC			1,0	0,6	3,3	4,9	0012345678910	0123456789
18	19118084	Trần Trọng Hữu	DH19CC			0,9	1,0	5,1	7,9	0012345678910	0123456789
19	19118102	Nguyễn Văn Khá	DH19CC			1,0	2,0	6,0	9,0	0012345678910	0123456789
20	19118103	Mai Hoàng Khải	DH19CC			1,0	2,0	4,5	7,5	0012345678910	0123456789
21	19118105	Lý Nhất Khang	DH19CC			1,0	2,1	4,2	7,3	0012345678910	0123456789
22	19118134	Lý Kim Luận	DH19CC			1,0	1,8	4,5	7,3	0012345678910	0123456789
23	19118135	Trần Hữu Luận	DH19CC			1,0	1,9	3,6	6,5	0012345678910	0123456789
24	19118140	Nguyễn Hoàng Mạnh	DH19CC			1,0	2,1	5,1	8,2	0012345678910	0123456789
25	19118146	Thạch Minh	DH19CC			1,0	1,8	4,5	7,3	0012345678910	0123456789
26	19118150	Nguyễn Hoài Nam	DH19CC			1,0	1,9	4,2	7,1	0012345678910	0123456789
27	19118159	Đình Quang Nguyên	DH19CC			0,8	1,1	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
28	19118177	Nguyễn Trường Phong	DH19CC			1,0	1,6	3,9	6,5	0012345678910	0123456789
29	19118179	Nguyễn Lê Phú	DH19CC			1,0	2,5	4,5	7,8	0012345678910	0123456789
30	19118182	Lê Đình Phước	DH19CC			1,0	1,2	4,2	6,9	0012345678910	0123456789
31	19118185	Nguyễn Hoàng Quân	DH19CC			0,8	0,0	3,3	4,1	0012345678910	0123456789
32	19118195	Phạm Thành Sang	DH19CC			0,2	2,0	3,3	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02332

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ & thiết bị SX thức ăn chăn nuôi(208247) Số Tín Ch 3
 Nhóm Thi DH19CC_02 Tổ Thi 001_DH19CC_02 Tên CBGD Trần Văn Tuấn
 Ngày Thi 30/07/2022 Giờ Thi 12:15 Phòng Thi TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi bộ	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC	Thanh		1,0	1,9	2,9	6,8	0012345678910	0123456789
34	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC	Thắng		1,0	2,2	4,5	7,7	0012345678910	0123456789
35	19118233	Nguyễn Nam Thuận	DH19CC	Thuận		0,9	1,8	2,3	6,0	0012345678910	0123456789
36	19118235	Trần Thành Tiên	DH19CC	Trần		0,9	1,6	2,6	6,1	0012345678910	0123456789
37	19118236	Phạm Vũ Nhật Tiến	DH19CC	Phạm		1,0	1,8	2,6	6,4	0012345678910	0123456789
38	19118238	Trần Minh Tiến	DH19CC	Trần		1,0	2,1	4,2	7,3	0012345678910	0123456789
39	19118244	Nguyễn Phúc Toại	DH19CC	Toại		0,9	2,1	4,2	7,2	0012345678910	0123456789
40	19118247	Trương Hữu Toàn	DH19CC		✓					0012345678910	0123456789
41	19118254	Huỳnh Như Trọng	DH19CC	Huỳnh		1,0	2,3	3,6	6,9	0012345678910	0123456789
42	19118262	Thái Văn Trường	DH19CC	Thái		1,0	2,3	6,0	9,3	0012345678910	0123456789
43	19118263	Võ Văn Tư	DH19CC	Tư		0,9	2,0	3,3	6,2	0012345678910	0123456789
44	19118278	Phan Văn Vĩnh	DH19CC	Phan		1,0	1,8	3,0	5,7	0012345678910	0123456789
45	19118279	Bùi Bá Vũ	DH19CC	Bùi		1,0	1,8	2,3	6,1	0012345678910	0123456789
46	19118280	Nguyễn Hoàng Vũ	DH19CC	Vũ		1,0	1,8	2,3	6,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02332

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ & thiết bị SX thức ăn chăn nuôi(208248) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH19CC_02 Tô Thi 001_DH19CC_02 Tên CBGD Trần Văn Tuấn
Ngày Thi 30/07/2022 Giờ Thi 12:15 Phòng Thi TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 45 Số sinh viên vắng 1...

Ngày 14 Tháng 8 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Khai
Lê Văn Tuấn

16
N.V. Kiệp

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Trần Văn Tuấn

Ngày in : 20/06/2022



Mã nhận dạng 02333

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chuyên đề tốt nghiệp 1(207248)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi

001_DH18CC_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC	<i>anh</i>			9	6	6,6	0012345●78910	012345●789
2	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC	<i>ân</i>			9	8	8,2	001234567●910	01●3456789
3	18118012	Tạ Đức Cao Chương	DH18CC	<i>ch</i>			9	8	8,2	001234567●910	01●3456789
4	18118029	Trần Vĩnh Dũng	DH18CC	<i>Dung</i>			9	6,5	7,0	00123456●8910	●123456789
5	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC	<i>duy</i>			8	5,5	6,0	0012345●78910	●123456789
6	18118036	Ứng Phương Duy	DH18CC	<i>Duy</i>			8	7	7,2	00123456●8910	01●3456789
7	18118021	Nguyễn Tiến Đạt	DH18CC	<i>dat</i>			8	7	7,2	00123456●8910	01●3456789
8	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC	<i>dat</i>			9	8	8,2	001234567●910	01●3456789
9	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC	<i>hang</i>			8	5,5	6,0	0012345●78910	●123456789
10	18118024	Lê Xuân Đức	DH18CC	<i>duc</i>			9	6	6,6	0012345●78910	012345●789
11	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC	<i>hi</i>			7	6	6,2	0012345●78910	01●3456789
12	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC	<i>kiem</i>			8	7,5	7,6	00123456●8910	012345●789
13	18118058	Đào Đăng Khoa	DH18CC	<i>kh</i>			9	8,5	8,6	001234567●910	012345●789
14	18118077	Thết Chủ Long	DH18CC	<i>long</i>			9	5,5	6,2	0012345●78910	01●3456789
15	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC	<i>loc</i>			9	8	8,2	001234567●910	01●3456789
16	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC	<i>luan</i>			9	6,5	7,0	00123456●8910	●123456789



Mã nhận dạng 02333

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chuyên đề tốt nghiệp 1(207248)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi

001_DH18CC_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC				9	8	8,2	001234567●910	01●3456789
18	18118088	Lê Đại	DH18CC				8,5	6,5	6,9	0012345●78910	012345678●
19	18118090	Phan Trung	DH18CC				8	6,5	6,8	0012345●78910	01234567●9
20	18118094	Bồ Tấn	DH18CC				7	6	6,2	0012345●78910	01●3456789
21	18118096	Đặng Danh	DH18CC				9	6,5	7,0	00123456●8910	●123456789
22	18118100	Dương Thị Tuyết	DH18CC				9	7,5	7,8	00123456●8910	01234567●9
23	18118120	Lê Tấn	DH18CC				8	8,5	8,4	001234567●910	0123●56789
24	18118127	Lương Văn	DH18CC				8	8	8,0	001234567●910	●123456789
25	18118129	Phan Quốc	DH18CC				8	7,5	7,6	00123456●8910	012345●789
26	18118137	Nguyễn Hoàng	DH18CC				9	8	8,2	001234567●910	01●3456789
27	18118152	Dương Minh	DH18CC				8,5	8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
28	18118155	Nguyễn Phát	DH18CC				9	8	8,2	001234567●910	01●3456789
29	18118157	Trần Duy	DH18CC				9	6	6,6	0012345●78910	012345●789
30	18118164	Lê Minh	DH18CC				9	6	6,6	0012345●78910	012345●789
31	18118166	Nguyễn Quốc	DH18CC				8	6	6,4	0012345●78910	0123●56789
32	18118178	Nguyễn Thanh	DH18CC				8,5	6,5	6,9	0012345●78910	012345678●



Mã nhận dạng 02333

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chuyên đề tốt nghiệp 1(207248)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV202

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC				9	7,5	7,8	00123456●8910	01234567●9
34	18118183	Nguyễn Hồ Phú	DH18CC				9	8	8,2	001234567●910	01●3456789
35	18118185	Trần Phúc	DH18CC				8	8	8,0	001234567●910	●123456789
36	18118186	Hoàng Long	DH18CC				8,5	8	8,1	001234567●910	0●23456789

Số sinh viên dự thi 36. Số sinh viên vắng 00...

Ngày 17 Tháng 8 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Khanh Hien

Ho Van Ngien

Bg Don' Khanh

Le Anh Duc

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207323) - 20

CBGD: Khoa Quản Lý Khoa Ck (T277)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118010	Nguyễn Hoàng Chính	DH18CK						7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
2	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK						9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK						7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	18118023	Nguyễn Tấn Diện	DH18CK						7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	18118028	Triệu Quốc Dũng	DH18CK						8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK						6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK						9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK						7,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK						6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK						7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK						8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK						7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
15	18118051	Bùi Huynh	DH18CK						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	18118055	Lê Minh Khang	DH18CK						7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207323) - 20

CBGD: Khoa Quản Lý Khoa Ck (T277)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK						7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK						6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
19	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK						7,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	18118075	Nguyễn Thành Long	DH18CK						7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK						8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
22	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK						7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK						6,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
24	17118062	Phạm Văn Nam	DH17CK						6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK						8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
26	18118098	Nguyễn Trung Nhân	DH18CK						8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
27	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
28	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
29	18118106	Phùng Minh Phong	DH18CK						8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
30	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK						6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
31	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK						8,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
32	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK						8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Khoa Quản Lý Khoa Ck (T277)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 __%	Đ2 __%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK						8,2	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
34	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK						7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
35	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK						7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
36	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK						8,8	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
37	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK						8,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
38	17118104	Hồ Văn Kỳ Thiên	DH17CK						7,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
39	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK						6,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
40	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK						8,2	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
41	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK						8,2	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
42	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK						8,8	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
43	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK						8,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
44	17118115	Trần Nhật Tiến	DH17CK						6,7	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
45	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK						7,7	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
46	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK						8,3	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
47	18118168	Cao Quang Trường	DH18CK						7,3	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
48	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK						7,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Khoa Quản Lý Khoa Ck (T277)

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Duy Lâm



Mã nhận dạng 02339

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Động cơ đốt trong(207333)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20OT_01

Tổ Thi 001_DH20OT_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Tuấn Anh

Ngày Thi 28/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154085	Huỳnh Gia Bảo	DH20OT			8.5	8.0	4.5	6.0	0012345678910	0123456789
2	20154087	Abdul Bari	DH20OT			8.5	8.0	4.2	4.0	0012345678910	0123456789
3	20154088	Lưu Văn Bình	DH20OT			8.5	8.0	4.5	6.0	0012345678910	0123456789
4	20154010	Lê Quang Công	DH20OT			8.0	7.0	4.5	5.7	0012345678910	0123456789
5	20154108	Nguyễn Trung Dũng	DH20OT			8.0	7.0	7.5	7.5	0012345678910	0123456789
6	20154111	Nguyễn Văn Dương	DH20OT			7.5	6.0	4.4	5.3	0012345678910	0123456789
7	20154117	Lê Tuấn Trường	DH20OT			8.0	7.5	2.5	4.6	0012345678910	0123456789
8	20154127	Đặng Trung Hiếu	DH20OT			8.0	6.5	3.0	4.7	0012345678910	0123456789
9	20154137	Phan Quý Hùng	DH20OT			8.0	8.5	4.4	4.1	0012345678910	0123456789
10	20154140	Bùi Thanh Huy	DH20OT			8.0	8.5	4.0	5.7	0012345678910	0123456789
11	20154144	Trần Gia Huy	DH20OT			8.5	5.0	3.8	5.0	0012345678910	0123456789
12	20154147	Dương Trí Khang	DH20OT			8.5	7.5	4.6	6.0	0012345678910	0123456789
13	20154152	Vô Nguyên Khôi	DH20OT			8.0	6.5	1.3	3.7	0012345678910	0123456789
14	20154153	Nguyễn Văn Kiên	DH20OT			8.0	7.0	4.0	5.4	0012345678910	0123456789
15	20154159	Nguyễn Công Linh	DH20OT			8.5	7.5	3.0	5.0	0012345678910	0123456789
16	20154160	Trần Ngọc Linh	DH20OT			8.0	5.5	2.8	4.4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02339

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Động cơ đốt trong(207333)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH200T_01

Tổ Thi 001_DH200T_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Tuấn Anh

Ngày Thi 28/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154166	Nguyễn Văn Minh	DH200T			8.0	3.5	1.5	3.2	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	20154168	Đậu Phương Nam	DH200T			8.0	7.5	4.0	5.5	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	20154169	Nguyễn Thành Nam	DH200T			8.0	5.0	3.5	4.7	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	20154171	Nguyễn Trọng Nghi	DH200T			8.0	4.5	4.6	5.3	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	20154175	Nguyễn Trung Nghĩa	DH200T			8.0	9.0	7.0	7.6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	20154178	Nguyễn Văn Nhựt	DH200T							○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	20154183	Cao Nguyễn Thành Phát	DH200T			8.0	6.5	3.5	5.0	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	20154198	Đỗ Hoàng Quân	DH200T			7.0	5.0	5.5	5.7	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	20154205	Trần Hữu Quốc	DH200T			7.5	4.5	1.4	3.2	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	20154206	Huỳnh An Quyền	DH200T			8.0	8.0	6.5	7.1	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	20154207	Nguyễn Thế Quyền	DH200T			8.0	6.0	3.8	5.1	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	20154208	Đào Minh Quyết	DH200T			8.0	5.0	3.0	4.4	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	18154107	Nguyễn Hữu Sum	DH180T			8.0	6.5	3.5	5.0	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	20154218	Nguyễn Quang Thành	DH200T			7.0	4.0	2.5	3.7	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	20154226	Nguyễn Đặng Tiên	DH200T			8.0	7.0	6.0	6.6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	19154163	Lê Minh Tiến	DH190T			8.0	8.5	5.5	6.6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02339

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Động cơ đốt trong(207333)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20OT_01

Tổ Thi 001_DH20OT_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Tuấn Anh

Ngày Thi 28/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
33	20154229	Nguyễn Quốc	Trái	DH20OT		7.5	7.5	5.5	6.3	0012345678910	0123456789
34	20154230	Nguyễn Hữu	Trí	DH20OT		7.5	3.0	2.3	3.5	0012345678910	0123456789
35	20154231	Nguyễn Hữu	Trí	DH20OT		7.5	8.0	6.5	7.0	0012345678910	0123456789
36	20154232	Phạm Minh	Trí	DH20OT		8.0	5.5	5.5	6.0	0012345678910	0123456789
37	20154233	Đỗ Ngọc	Triết	DH20OT		7.5	7.5	1.2	3.7	0012345678910	0123456789
38	20154237	Nguyễn Xuân	Trường	DH20OT		8.0	7.0	4.0	5.4	0012345678910	0123456789
39	20154238	Lê Hoàng	Tuấn	DH20OT		8.0	5.5	3.0	4.5	0012345678910	0123456789
40	20154239	Phạm Minh	Tuấn	DH20OT		8.0	5.0	2.0	3.8	0012345678910	0123456789
41	20154240	Trần Nhật	Tuấn	DH20OT		7.5	2.5	3.5	4.1	0012345678910	0123456789
42	20154241	Trương Quang	Tuấn	DH20OT		8.5	6.5	3.4	5.0	0012345678910	0123456789
43	20154242	Cao Trọng	Văn	DH20OT		8.0	5.0	3.7	4.8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 12 Số sinh viên vắng 1...

Ngày 22 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 23/06/2022

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Nguyễn Nhật Long



Mã nhận dạng 02340

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Động cơ đốt trong(207333)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH200T_02

Tổ Thi

001_DH200T_02

Tên CBGD

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Ngày Thi 28/07/2022

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

CT101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154079	Điền Tuấn Anh	DH200T			7.0	7.5	1.4	3.7	0012345678910	0123456789
2	20154080	Lê Tuấn Anh	DH200T			8.0	8.0	4.6	6.0	0012345678910	0123456789
3	20154081	Nguyễn Phan Ngọc Anh	DH200T			7.0	7.0	2.0	4.0	0012345678910	0123456789
4	20154005	Nguyễn Tuấn Anh	DH200T			8.0	6.0	2.0	4.0	0012345678910	0123456789
5	20154006	Nguyễn Xuân Bách	DH200T			8.0	7.0	2.8	4.7	0012345678910	0123456789
6	20154086	Nguyễn Trần Nhật Bảo	DH200T			8.0	7.5	4.2	5.6	0012345678910	0123456789
7	20154089	Phạm Thái Bình	DH200T			8.0	4.8	1.7	3.6	0012345678910	0123456789
8	20154091	Nguyễn Quốc Công	DH200T					✓	✓	0012345678910	0123456789
9	20154093	Hồ Chí Cường	DH200T			8.0	7.5	2.7	4.7	0012345678910	0123456789
10	20154097	Nguyễn Tấn Danh	DH200T			7.5	7.0	3.0	4.7	0012345678910	0123456789
11	20154113	Lê Hoàng Đức Duy	DH200T					✓	✓	0012345678910	0123456789
12	20154114	Nguyễn Thành Duy	DH200T			7.5	6.0	4.0	5.1	0012345678910	0123456789
13	20154115	Nguyễn Thành Duy	DH200T			7.5	6.5	2.7	4.4	0012345678910	0123456789
14	20154014	Quách Dương	DH200T			8.0	6.5	2.6	4.5	0012345678910	0123456789
15	20154101	Phạm Đình Thành Đạt	DH200T			8.0	7.0	6.3	6.8	0012345678910	0123456789
16	20154102	Đặng Thiệu Đình	DH200T			8.0	8.0	4.3	5.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02340

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Động cơ đốt trong(207333)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20OT_02

Tổ Thi 001_DH20OT_02

Tên CBGD Nguyễn Văn Tuấn Anh

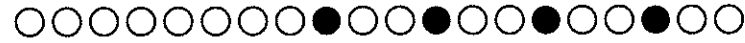
Ngày Thi 28/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 90%	Đ2 90%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154103	Dương Quốc	Đông	Dương		8.0	7.0	6.8	7.1	0012345678910	0123456789
18	20154105	Nguyễn Trọng	Đức	Nguyễn		8.0	8.5	3.0	5.1	0012345678910	0123456789
19	20154106	Nguyễn Văn	Đức	Nguyễn		8.5	8.0	2.5	4.8	0012345678910	0123456789
20	20154122	Vũ Anh	Hào	Vũ		8.5	8.0	3.8	5.6	0012345678910	0123456789
21	20154022	Hồ Hoàng	Hào	Hồ		8.5	6.5	3.8	5.3	0012345678910	0123456789
22	20154123	Hoàng Hồng	Hậu	Hoàng		8.5	8.0	3.0	5.1	0012345678910	0123456789
23	20154124	Phạm Nguyễn Quốc	Hậu	Phạm		7.0	7.5	1.0	3.5	0012345678910	0123456789
24	20154126	Võ Công	Hiển	Võ		8.5	8.0	5.0	6.3	0012345678910	0123456789
25	20154131	Huỳnh Vũ	Hoài	Huỳnh		8.0	7.5	4.0	5.5	0012345678910	0123456789
26	20154133	Nguyễn Văn	Hoàng	Nguyễn		8.0	8.0	3.7	5.4	0012345678910	0123456789
27	20154134	Nguyễn Võ Huy	Hoàng	Nguyễn		7.5	6.0	5.0	5.7	0012345678910	0123456789
28	20154136	Nguyễn Thị Thu	Hồng	Nguyễn		8.0	8.0	4.0	5.6	0012345678910	0123456789
29	20154141	Nguyễn Minh	Huy	Nguyễn		8.5	7.0	4.4	5.7	0012345678910	0123456789
30	20154142	Nguyễn Vũ Nhật	Huy	Nguyễn		8.0	5.5	4.5	5.4	0012345678910	0123456789
31	20154024	Phùng Quốc	Huy	Phùng		8.0	8.0	3.8	5.5	0012345678910	0123456789
32	20154138	Nguyễn Minh	Hưng	Nguyễn		8.5	7.0	4.2	5.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02340

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Động cơ đốt trong(207333)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH200T_02

Tổ Thi

001_DH200T_02

Tên CBGD

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Ngày Thi 28/07/2022

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

CT101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20154139	Trần Hữu Hưng	DH200T			8.0	7.0	3.7	5.2	0012345678910	0123456789
34	20154146	Nguyễn Quốc Khải	DH200T			7.5	5.0	3.5	4.6	0012345678910	0123456789
35	20154148	Châu Quốc Việt	DH200T			8.5	6.5	3.5	5.1	0012345678910	023456789
36	20154149	Hoàng Lê Minh	DH200T			8.0	7.0	5.3	6.2	0012345678910	0123456789
37	20154150	Nguyễn Hoàng Bảo	DH200T			8.5	6.5	3.8	5.3	0012345678910	0123456789
38	20154155	Mai Thanh Lâm	DH200T			7.5	6.5	2.2	4.1	0012345678910	023456789
39	20154158	Hoàng Kim Lân	DH200T			8.0	6.0	2.2	4.1	0012345678910	023456789
40	20154165	Nguyễn Tiến Mạnh	DH200T			8.5	8.5	4.0	5.8	0012345678910	0123456789
41	20154170	Trần Thanh Nam	DH200T			8.5	7.5	4.0	5.6	0012345678910	0123456789
42	20154176	Phạm Trọng Công	DH200T			8.0	8.0	3.5	5.3	0012345678910	0123456789
43	20154172	Trần Trung Nghi	DH200T			7.5	8.0	1.8	4.2	0012345678910	0123456789
44	20154173	Bùi Tá Nghĩa	DH200T			7.5	8.0	4.0	5.5	0012345678910	0123456789
45	20154174	Nguyễn Tiến Nghĩa	DH200T			8.0	8.5	6.4	7.1	0012345678910	023456789



Mã nhận dạng 02340

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Động cơ đốt trong(207333)** Số Tín Ch **3**
 Nhóm Thi **DH20OT_02** Tổ Thi **001_DH20OT_02** Tên CBGD **Nguyễn Văn Tuấn Anh**
 Ngày Thi **28/07/2022** Giờ Thi **09:45** Phòng Thi **CT101**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 12 Số sinh viên vắng 2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

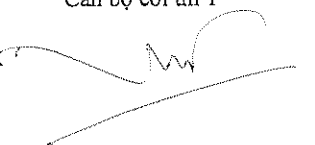
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

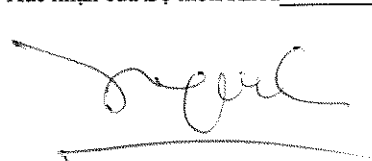
Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

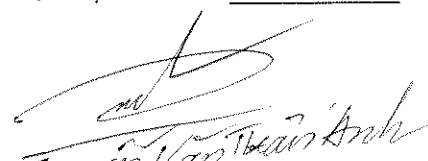
Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Phan Duy Lam


Phan Trung Nghĩa


TS. Nguyễn Đức Khuyến


Nguyễn Văn Tuấn Anh



Mã nhận dạng 02341

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Động cơ đốt trong(207333)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20OT_02**

Tổ Thi **002_DH20OT_02**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Tuấn Anh**

Ngày Thi **28/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **CT102**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154179	Trương Quốc Nguyễn	DH20OT			8.0	9.0	7.7	8.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	20154181	Phạm Hoàng Nhân	DH20OT			8.5	8.5	4.8	6.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	20120077	Đinh Công Đại Phát	DH20OT			8.0	8.0	5.0	6.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	20154186	Vũ Thịnh Phát	DH20OT			8.5	8.0	5.2	6.4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	20154187	Âu Thiên Phú	DH20OT			8.5	8.5	2.2	4.7	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
6	20154188	Cao Quan Phú	DH20OT			8.0	8.0	8.0	8.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	20154189	Cao Thế Phú	DH20OT			8.5	8.5	2.7	5.0	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	20154191	Nguyễn Hoàng Phúc	DH20OT			8.0	6.5	5.2	6.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	20154193	Thái Trần Hồng Phúc	DH20OT			8.5	8.0	3.0	5.1	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	20154195	Phùng Thanh Phước	DH20OT			8.0	6.0	3.7	5.0	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	20154196	Nguyễn Hoài Phương	DH20OT			8.0	6.0	4.0	5.2	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	20154201	Huỳnh Ngọc Quang	DH20OT			8.5	8.5	5.2	6.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	20154197	Đỗ Anh Quân	DH20OT			8.0	5.5	4.5	5.4	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	20154200	Nguyễn Mạnh Quân	DH20OT			6.0	5.0	3.5	4.3	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	20154203	Hồ Văn Ngọc Quý	DH20OT			8.0	8.5	7.0	7.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	20154209	Trần Chí Quyết	DH20OT			8.0	6.5	1.8	4.0	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02341

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Động cơ đốt trong(207333)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH200T_02**

Tổ Thi **002_DH200T_02**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Tuấn Anh**

Ngày Thi **28/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **CT102**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154049	Phạm Ngọc Diễm	Quỳnh	DH200T		8.0	8.0	7.0	7.4	0012345678910	0123456789
18	20154210	Nguyễn Đỗ Hữu	Sang	DH200T		8.0	6.5	4.7	5.7	0012345678910	0123456789
19	20154212	Nguyễn Thanh	Sang	DH200T		7.5	6.0	2.6	4.3	0012345678910	0123456789
20	20154213	Nguyễn Tiến	Sĩ	DH200T		8.0	8.0	5.0	6.2	0012345678910	0123456789
21	20154055	Huỳnh Thanh	Tâm	DH200T		8.0	8.0	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
22	20154216	Huỳnh Duy	Tân	DH200T		8.5	8.0	6.2	7.0	0012345678910	0123456789
23	20154219	Nguyễn Tiên	Thạnh	DH200T		8.0	7.5	3.5	5.2	0012345678910	0123456789
24	16154086	Bùi Xuân	Thăng	DH160T		8.0	7.5	3.5	5.2	0012345678910	0123456789
25	20154220	Nguyễn Hoàng	Thiện	DH200T		8.0	8.5	7.2	7.6	0012345678910	0123456789
26	20154221	Nguyễn Thanh	Thiện	DH200T		8.5	8.5	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
27	20154222	Phan Hữu	Thiện	DH200T		8.0	7.0	4.2	5.5	0012345678910	0123456789
28	20154062	Huỳnh Minh	Thông	DH200T		8.0	8.0	3.0	5.0	0012345678910	0123456789
29	20154224	Chau Chanh	Thu	DH200T		8.5	6.0	6.0	6.5	0012345678910	0123456789
30	20154228	Hà Hữu	Tịnh	DH200T		8.0	6.5	3.7	5.1	0012345678910	0123456789
31	20154234	Đặng Bình	Triệu	DH200T		8.0	6.5	3.7	5.1	0012345678910	0123456789
32	20154235	Nguyễn Hồ Quốc	Trung	DH200T		8.0	5.5	3.0	4.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02341

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Động cơ đốt trong(207333)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20OT_02

Tổ Thi

002_DH20OT_02

Tên CBGD

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Ngày Thi 28/07/2022

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

CT102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20154075	Nguyễn Tuấn Vũ	DH20OT	Vũ		8.0	8.5	3.7	5.5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 3.3. Số sinh viên vắng0

Ngày 22 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Nam Cường Hồ Văn Nghi

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Văn Tuấn Anh



Mã nhận dạng 02358

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_01**

Tổ Thi **001_DH20TD_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **30/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD203**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 30%	Điểm thực	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20138071	Võ Tuấn Anh	DH20TD			9,0	9,0	9,5	9,3	0012345678910	0123456789
2	20138003	Đinh Hoàng Thiên Ân	DH20TD			7,5	7,5	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
3	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD			9,0	8,0	5,0	6,4	0012345678910	0123456789
4	20138072	Võ Hoàng Gia Bảo	DH20TD			4,5	9,0	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
5	20138073	Nguyễn Văn Bình	DH20TD			7,5	8,0	1,0	3,7	0012345678910	0123456789
6	20138074	Đặng Minh Chính	DH20TD			7,0	9,0	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
7	20138075	Nguyễn Công Danh	DH20TD			6,5	9,0	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
8	20138080	Nguyễn Thị Mỹ Dung	DH20TD			9,0	9,0	10,0	9,6	0012345678910	0123456789
9	20138081	Nguyễn Thái Duy	DH20TD			7,0	9,0	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
10	20138076	Nguyễn Tấn Đạt	DH20TD			6,5	9,0	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
11	20138077	Nguyễn Tiến Đạt	DH20TD			7,5	9,0	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
12	20138078	Phan Châu Thành Đạt	DH20TD			6,0	9,0	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
13	20138079	Trịnh Minh Đạt	DH20TD			6,5	9,0	9,5	8,8	0012345678910	0123456789
14	20138083	Thái Gia Hạnh	DH20TD			6,5	9,0	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
15	20152007	Võ Quang Hào	DH20TD			6,0	9,0	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
16	20138084	Vũ Quang Hậu	DH20TD			5,5	9,0	2,5	4,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02358

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_01**

Tổ Thi **001_DH20TD_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **30/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD203**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20138085	Nguyễn Thanh	Hiệp	<i>Hiệp</i>		4,5	9,0	3,0	4,5	0012345678910	0123456789
18	20138017	Trần Ngọc	Hoài	<i>Trần</i>		5,0	9,0	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
19	20138089	Trần Gia	Huy	<i>Trần</i>		6,5	8,0	4,0	5,3	0012345678910	0123456789
20	19153026	Trần Quốc	Huy	<i>Trần</i>		8,0	9,0	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
21	20138090	Võ Tấn	Huy	<i>Võ Tấn</i>		9,5	8,0	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
22	20138087	Nguyễn Văn Tuấn	Hung	<i>Nguyễn</i>		6,5	9,0	8,5	8,2	0012345678910	0123456789
23	20138088	Phạm Duy	Hung	<i>Phạm</i>		6,0	9,0	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
24	20138900	Nguyễn Kim Quỳnh	Hương	<i>Nguyễn</i>		8,5	9,0	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
25	20138091	Nguyễn Đức	Khải	<i>Nguyễn</i>		6,0	9,0	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
26	20138092	Trần Bá	Khang	<i>Trần</i>		7,0	9,0	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
27	20138093	Phan Quốc	Khánh	<i>Phan</i>		8,0	9,0	9,0	8,8	0012345678910	0123456789
28	20138095	Nguyễn Anh Hoàng	Khoa	<i>Nguyễn</i>		6,5	9,0	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
29	18138044	Đình Trọng	Khôi	<i>Đình</i>		9,0	7,0	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
30	20138096	Ngô Tuấn	Kiệt	<i>Ngô</i>		6,0	8,0	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
31	20138097	Võ Anh	Kiệt	<i>Võ</i>		6,0	9,0	4,5	5,7	0012345678910	0123456789
32	20138098	Ngô Trần Thiên	Kim	<i>Ngô</i>		6,0	9,0	6,5	6,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02358

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_01**

Tổ Thi

001_DH20TD_01

Tên CBGD

Lê Quang Hiền

Ngày Thi **30/07/2022**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD203

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20138100	Nguyễn An Lạc	DH20TD			8,0	8,0	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
34	20138101	Trần Quốc Lâm	DH20TD			5,5	7,0	2,0	3,7	0012345678910	0123456789
35	20138063	Trần Đức Lương	DH20TD			5,0	8,0	9,0	8,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi **35**. Số sinh viên vắng **00**.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Quang Hiền

Phan Trọng Nghĩa

TS. Nguyễn Đức Khuyên

Lê Quang Hiền



Mã nhận dạng 02359

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_01**

Tổ Thi

002_DH20TD_01

Tên CBGD

Lê Quang Hiền

Ngày Thi **30/07/2022**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm trung bình	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20138104	Bùi Phương Nam	DH20TD	Nam		0,0	9,0	10,0	7,8	0012345678910	0123456789
2	20138030	Phạm Vĩnh Nghi	DH20TD	Nghi		8,0	9,0	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
3	20138107	Tạ Thanh Nhã	DH20TD	Nhã		7,5	9,0	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
4	20138106	Trương Hoàng Nhã	DH20TD	Nhã		4,0	9,0	3,0	4,4	0012345678910	0123456789
5	20138108	Trần Nguyễn Trường Phi	DH20TD	Phi		6,5	9,0	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
6	20138035	Lê Văn Phong	DH20TD	Phong		9,0	9,0	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
7	20138109	Phan Duy Phúc	DH20TD	Phuc		6,5	7,0	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
8	20138111	Đoàn Thiên Phước	DH20TD	Phuoc		6,5	8,0	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
9	20138110	Đỗ Thiện Phước	DH20TD	Phuoc		7,0	9,0	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
10	20138112	Nguyễn Ngô Gia Phước	DH20TD	Phuoc		8,0	7,0	4,0	5,4	0012345678910	0123456789
11	20138113	Phạm Đỗ Anh Phương	DH20TD	Phuong		7,5	9,0	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
12	18153059	Vũ Thế Quang	DH18CD	Quang		0,0	9,0	5,5	5,1	0012345678910	0123456789
13	20138114	Đoàn Đình Quân	DH20TD	Quân		8,0	9,0	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
14	20138115	Lê Hữu Đông Quân	DH20TD	Quân		6,5	9,0	2,5	4,6	0012345678910	0123456789
15	20138116	Phạm Đức Quân	DH20TD	Quân		6,5	9,0	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
16	20138117	Trần Ngọc Quế	DH20TD	Quế		6,0	9,0	7,5	7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02359

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_01**

Tổ Thi

002_DH20TD_01

Tên CBGD

Lê Quang Hiền

Ngày Thi **30/07/2022**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm C. thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153064	Lê Hữu Quý	DH19CD			6,5	8,0	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
18	20138118	Vòng Phi Quyền	DH20TD			9,0	8,0	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
19	20138120	Lê Đặng Tuấn Sang	DH20TD			8,5	9,0	6,0	7,1	0012345678910	0123456789
20	20138122	Nguyễn Quốc Tài	DH20TD			4,5	7,0	3,0	4,1	0012345678910	0123456789
21	20138124	Võ Lê Tứ Tài	DH20TD			3,0	7,0	3,5	4,1	0012345678910	0123456789
22	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD			9,0	5,0	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
23	20138127	Lê Văn Thanh	DH20TD							0012345678910	0123456789
24	20138128	Trần Hoài Thanh	DH20TD			4,5	8,0	3,5	4,6	0012345678910	0123456789
25	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD			9,0	9,0	7,0	7,8	0012345678910	0123456789
26	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT			6,5	9,0	3,0	4,9	0012345678910	0123456789
27	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD			6,5	9,0	4,5	4,0	0012345678910	0123456789
28	20138129	Phạm Đức Thao	DH20TD			8,5	9,0	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
29	20138126	Lê Quang Thắng	DH20TD			4,0	9,0	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
30	19153079	Hoàng Thông	DH19CD			8,0	9,0	6,0	7,0	0012345678910	0123456789
31	19130217	Ngô Tùng Thông	DH19TD			10	9,0	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
32	20138131	Huỳnh Minh Thuận	DH20TD			8,5	8,0	7,5	7,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02359

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_01**

Tổ Thi **002_DH20TD_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

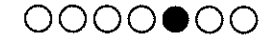
Ngày Thi **30/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV303**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19153080	Kiều Thuy	DH19CD			6,0	9,0	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
34	20138132	Châu Ngọc	DH20TD			7,5	9,0	5,5	4,2	0012345678910	0123456789
35	18127061	Nguyễn Văn	DH18TD			6,5	9,0	5,0	6,1	0012345678910	0123456789
36	20138133	Trần Đức	DH20TD			4,0	9,0	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
37	20138134	Vũ Minh	DH20TD			2,0	7,0	0,5	2,1	0012345678910	0123456789
38	20138135	Đinh Gia	DH20TD			5,0	7,0	4,0	4,8	0012345678910	0123456789
39	20138136	Nguyễn Thị Kiều	DH20TD			6,5	9,0	8,5	8,2	0012345678910	0123456789
40	19153086	Tạ Thị Ngọc	DH19CD			1,0	9,0	9,0	9,2	0012345678910	0123456789
41	20138137	Huỳnh Lê Bảo	DH20TD			5,5	9,0	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
42	20138049	Trần Ngọc	DH20TD			8,5	9,0	3,0	5,3	0012345678910	0123456789
43	20138138	Hoàng Văn	DH20TD			5,0	9,0	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
44	20138139	Nguyễn Công	DH20TD			7,0	9,0	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
45	20138140	Nguyễn Xuân	DH20TD			8,0	8,0	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
46	20138141	Phạm Anh	DH20TD			6,5	9,0	5,0	6,1	0012345678910	0123456789
47	20138142	Phạm Thanh	DH20TD			5,0	9,0	3,5	4,9	0012345678910	0123456789
48	20138143	Cao Huỳnh Thanh	DH20TD			8,0	9,0	5,0	6,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02359

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20TD_01

Tổ Thi 002_DH20TD_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 30/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	20138144	Nguyễn Đăng Văn	DH20TD			6,0	9,0	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
50	20138146	Bùi Quốc Việt	DH20TD			9,0	9,0	9,5	9,3	0012345678910	0123456789
51	20138147	Lê Hà Bảo Vinh	DH20TD			6,0	9,0	3,5	5,1	0012345678910	0123456789
52	20138148	Thái Doãn Vinh	DH20TD			8,0	9,0	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
53	20138149	Trần Quang Vinh	DH20TD			8,5	7,0	5,0	6,1	0012345678910	0123456789
54	20138060	Trần Thanh Vững	DH20TD			6,5	9,0	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
55	20138152	Nguyễn Thị Tường Vy	DH20TD			8,0	9,0	7,5	7,9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 54. Số sinh viên vắng 01.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Minh Hiền

Lê Văn Nghiê

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Lê Quang Hiền

Ngày in : 23/06/2022



Mã nhận dạng 02362

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi PLC & ứng dụng(207516)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi 001_DH19TD_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 27/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138001	Võ Hoà An	DH19TD	<i>[Signature]</i>		2,5	4,0	4,5	4,0	0012345678910	0123456789
2	19138003	Nguyễn Thanh Ban	DH19TD	<i>[Signature]</i>		3,0	5,0	2,5	3,1	0012345678910	0123456789
3	19138005	Lê Thái Hoàng An	DH19TD	<i>[Signature]</i>		3,0	4,0	3,5	3,5	0012345678910	0123456789
4	19138006	Lê Mạnh Cường	DH19TD	<i>[Signature]</i>		3,0	6,0	5,5	5,1	0012345678910	0123456789
5	19138007	Trần Mạnh Cường	DH19TD							0012345678910	0123456789
6	19138015	Lê Đình Duy	DH19TD	<i>[Signature]</i>		6,5	6,0	3,5	4,6	0012345678910	0123456789
7	19138016	Nguyễn Thị Thuỷ	DH19TD	<i>[Signature]</i>		6,5	6,0	7,0	6,7	0012345678910	0123456789
8	19138009	Hà Lê Quang Đạt	DH19TD							0012345678910	0123456789
9	19138012	Huỳnh Minh Đoàn	DH19TD	<i>[Signature]</i>		2,0	6,0	4,5	2,5	0012345678910	0123456789
10	19138013	Võ Anh Đức	DH19TD	<i>[Signature]</i>		6,0	7,0	9,0	8,0	0012345678910	0123456789
11	19153016	Mai Xuân Hải	DH19CD	<i>[Signature]</i>		2,0	3,0	0,5	1,3	0012345678910	0123456789
12	19153017	Nguyễn Thanh Hải	DH19CD	<i>[Signature]</i>		1,0	6,0	4,5	2,3	0012345678910	0123456789
13	19138017	Trần Chí Hải	DH19TD	<i>[Signature]</i>		7,0	8,5	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
14	19138018	Lê Minh Hậu	DH19TD	<i>[Signature]</i>		3,0	3,0	6,5	5,1	0012345678910	0123456789
15	19138019	Phạm Thị Hiền	DH19TD	<i>[Signature]</i>		6,0	6,0	6,5	6,3	0012345678910	0123456789
16	19138020	Đinh Văn Hiền	DH19TD	<i>[Signature]</i>		5,0	6,0	3,0	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02362

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi PLC & ứng dụng(207516)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi

001_DH19TD_01

Tên CBGD

Lê Quang Hiền

Ngày Thi 27/07/2022

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm trung bình	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138022	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD			1,0	6,0	4,5	2,3	0012345678910	0123456789
18	19138023	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD			7,0	7,5	9,0	8,3	0012345678910	0123456789
19	19138024	Võ Ngọc Hội	DH19TD			5,0	3,0	1,0	2,2	0012345678910	0123456789
20	19138025	Hoàng Phi Hùng	DH19TD			7,0	3,0	2,5	3,5	0012345678910	0123456789
21	19138027	Bùi Huỳnh Song Huy	DH19TD			1,0	3,0	2,5	2,3	0012345678910	0123456789
22	19138028	Nguyễn Văn Huy	DH19TD			3,0	6,0	4,0	4,2	0012345678910	0123456789
23	19138026	Nguyễn Viết Hưng	DH19TD			5,0	6,0	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
24	19138032	Nguyễn Đình Khang	DH19TD			1,0	0,0	0,5	0,5	0012345678910	0123456789
25	19138034	Nguyễn Lê Hữu Khang	DH19TD			1,0	5,0	4,0	1,8	0012345678910	0123456789
26	19138038	Bùi Đăng Khoa	DH19TD			3,5	6,0	5,5	5,2	0012345678910	0123456789
27	19138041	Nguyễn Trung Kiên	DH19TD			1,0	3,0	0,0	0,8	0012345678910	0123456789
28	19138042	Nguyễn Cao Kỳ	DH19TD			7,0	9,0	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
29	19138044	Đặng Thành Long	DH19TD			2,0	6,0	2,5	3,1	0012345678910	0123456789
30	19138045	Bùi Văn Hữu Luân	DH19TD			4,0	7,5	7,5	6,8	0012345678910	0123456789
31	19138046	Võ Văn Minh	DH19TD			6,0	6,0	7,0	6,6	0012345678910	0123456789
32	19138048	Nguyễn Cà Na	DH19TD			5,0	7,0	3,0	4,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02362

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi PLC & ứng dụng(207516)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi 001_DH19TD_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 27/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19138051	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19TD			6,0	6,0	4,0	3,0	0012345678910	0123456789
34	19138055	Trần Đình Nhơn	DH19TD			5,0	6,0	2,5	3,7	0012345678910	0123456789
35	19138057	Trần Minh Nhựt	DH19TD			6,0	2,0	2,5	3,1	0012345678910	0123456789
36	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD			6,0	9,0	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
37	19138059	Nguyễn Thành Phẩm	DH19TD			6,0	6,0	5,0	5,4	0012345678910	0123456789
38	19138060	Nguyễn Bảo Phi	DH19TD			7,0	6,0	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
39	19138062	Nguyễn Quốc Phú	DH19TD			4,0	6,0	9,0	2,0	0012345678910	0123456789
40	19138065	Lê Đăng Quang	DH19TD			8,0	6,0	9,0	8,2	0012345678910	0123456789
41	19138068	Lê Bá Nam Sơn	DH19TD			3,0	3,0	2,0	2,4	0012345678910	0123456789
42	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD			3,5	3,0	4,5	4,0	0012345678910	0123456789
43	19138071	Nguyễn Bá Thái	DH19TD			3,0	6,0	2,0	3,0	0012345678910	0123456789
44	19138072	Trần Hoàng Thái	DH19TD			4,0	6,0	2,5	3,5	0012345678910	0123456789
45	19138073	Đỗ Quang Thành	DH19TD			3,0	8,0	4,0	4,6	0012345678910	0123456789
46	19138074	Nguyễn Tuấn Thành	DH19TD			1,0	6,0	2,5	2,9	0012345678910	0123456789
47	19138075	Trần Công Thịnh	DH19TD			8,0	6,0	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
48	19138077	Dương Văn Tiến	DH19TD			8,0	5,0	6,5	6,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02362

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi PLC & ứng dụng(207516)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi 001_DH19TD_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 27/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18127061	Nguyễn Văn Tiến	DH18TD			5,0	6,0	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
50	19138078	Nguyễn Văn Tiến	DH19TD							0012345678910	0123456789
51	19138079	Cao Quốc Tinh	DH19TD			9,0	10,0	10,0	9,8	0012345678910	0123456789
52	19138081	Nguyễn Minh Toàn	DH19TD							0012345678910	0123456789
53	19138082	Quách Xuân Trà	DH19TD			6,5	8,0	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
54	19138083	Nguyễn Thế Dân	DH19TD			5,0	6,0	2,0	3,4	0012345678910	0123456789
55	19138084	Trần Anh Trí	DH19TD			2,0	6,0	4,0	2,2	0012345678910	0123456789
56	19138087	Nguyễn Trọng Trung	DH19TD			3,0	6,0	2,5	3,3	0012345678910	0123456789
57	19138088	Nguyễn Nhật Trường	DH19TD			4,0	5,0	2,0	3,0	0012345678910	0123456789
58	19138089	Đặng Minh Tuấn	DH19TD			5,0	8,0	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
59	19138091	Trương Thế Vinh	DH19TD			5,0	8,0	7,5	7,1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 55 Số sinh viên vắng 04

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 23/06/2022

Cán bộ coi thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 02369

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chuyên đề tốt nghiệp 1(207541)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 001_DH18TD_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138003	Nguyễn Tuấn Anh	DH18TD					4,5	4,5	0012345678910	0123456789
2	18138002	Vũ Hoài Ân	DH18TD					4,0	4,0	0012345678910	0123456789
3	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD					2,5	2,5	0012345678910	0123456789
4	18138040	Nguyễn Ngọc Khải	DH18TD							0012345678910	0123456789
5	18138006	Đặng Văn Bình	DH18TD					4,0	4,0	0012345678910	0123456789
6	18138007	Hồ Quang Cảnh	DH18TD					4,5	4,5	0012345678910	0123456789
7	18138009	Lê Hữu Chiến	DH18TD					4,5	4,5	0012345678910	0123456789
8	18138020	Đỗ Quốc Duy	DH18TD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
9	18138012	Huỳnh Phước Đạt	DH18TD					3,0	3,0	0012345678910	0123456789
10	18138013	Trần Quang Đạt	DH18TD					3,0	3,0	0012345678910	0123456789
11	18138015	Nguyễn Công Đình	DH18TD					6,0	6,0	0012345678910	0123456789
12	18138016	Nguyễn Long Ngọc Đình	DH18TD					4,0	4,0	0012345678910	0123456789
13	18138023	Trần Trường Giang	DH18TD					4,5	4,5	0012345678910	0123456789
14	18138027	Vũ Minh Hòa	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
15	18138028	Trần Văn Hoài	DH18TD					4,0	4,0	0012345678910	0123456789
16	18138030	Trần Lê Huân	DH18TD					6,0	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02369

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chuyên đề tốt nghiệp 1(207541)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi

001_DH18TD_01

Tên CBGD

Lê Quang Hiền

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV103

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138036	Phan Trần Hoàng	Huy	DH18TD				3,0	3,0	0012345678910	0123456789
18	18138037	Trần Trọng	Huy	DH18TD						0012345678910	0123456789
19	18138032	Chung Hiệp	Hung	DH18TD				2,0	2,0	0012345678910	0123456789
20	18138041	Lê Phúc	Khang	DH18TD				9,5	9,5	0012345678910	0123456789
21	18138042	Nguyễn Công	Khánh	DH18TD				8,5	8,5	0012345678910	0123456789
22	18138043	Nguyễn Duy	Khánh	DH18TD				4,0	4,0	0012345678910	0123456789
23	18138044	Đinh Trọng	Khôi	DH18TD				5,0	5,0	0012345678910	0123456789
24	18138046	Phạm Văn Tiểu	Kỳ	DH18TD				8,0	8,0	0012345678910	0123456789
25	18138047	Lương Hoàng	Lâm	DH18TD				6,0	6,0	0012345678910	0123456789
26	18138049	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	DH18TD				5,0	5,0	0012345678910	0123456789
27	18138051	Đặng Hoàng	Long	DH18TD				6,0	6,0	0012345678910	0123456789
28	18138050	Hứa Phước	Lợi	DH18TD				6,5	6,5	0012345678910	0123456789
29	18138056	Trần Trung	Mỹ	DH18TD				8,0	8,0	0012345678910	0123456789
30	18138057	Trịnh Hữu	Nghĩa	DH18TD				6,5	6,5	0012345678910	0123456789
31	18138059	Nguyễn Phúc	Nguyên	DH18TD				6,0	6,0	0012345678910	0123456789
32	18138061	Kiểm tẩn	Nhất	DH18TD				4,5	4,5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02369

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chuyên đề tốt nghiệp 1(207541)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi

001_DH18TD_01

Tên CBGD

Lê Quang Hiền

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18138063	Đỗ Thanh Phong	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
34	18138065	Nguyễn Hồng Phúc	DH18TD							0012345678910	0123456789
35	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng Phúc	DH18TD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
36	18138069	Trương Thanh Phương	DH18TD					6,0	6,0	0012345678910	0123456789
37	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD					6,0	6,0	0012345678910	0123456789
38	18138075	Nguyễn Thanh Sơn	DH18TD					6,0	6,0	0012345678910	0123456789
39	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
40	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
41	18138079	Đỗ Đoàn Duy Tân	DH18TD					10,0	10,0	0012345678910	0123456789
42	18118125	Nguyễn Minh Tân	DH18TD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
43	18138081	Nguyễn Trọng Thiên	DH18TD					6,5	6,5	0012345678910	0123456789
44	18138084	Nguyễn Hữu Thọ	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
45	17138053	Lê Hữu Thuận	DH17TD					5,5	5,5	0012345678910	0123456789
46	18138086	Nguyễn Anh Thuận	DH18TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
47	18138087	Nguyễn Trần Minh Thuận	DH18TD					6,0	6,0	0012345678910	0123456789
48	18138088	Thái Minh Thuận	DH18TD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02369

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chuyên đề tốt nghiệp 1(207541)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 001_DH18TD_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV103

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18138089	Trần Lê Triều Thuận	DH18TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
50	18138095	Đào Đức Trung	DH18TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
51	18138096	Hồ Duy Thiện	DH18TD					1,0	1,0	0012345678910	0123456789
52	18138098	Lý Hồng Tuấn	DH18TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
53	18138099	Nguyễn Anh Tuấn	DH18TD					5,5	5,5	0012345678910	0123456789
54	18138102	Ngô Lương Vinh	DH18TD					1,5	1,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 5. Số sinh viên vắng 03

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 02399

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Máy điện & khí cụ điện(207802)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH20CC_01

Tổ Thi

001_DH20CC_01

Tên CBGD

Lê Quang Hiền

Ngày Thi 29/07/2022

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm 70%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118115	Đinh Thế Anh	DH20CC				4,0	4,0	4,0	0012345678910	0123456789
2	20118118	Võ Nguyễn Văn Hoài	Bác				4,5	5,0	4,9	0012345678910	0123456789
3	20118132	Nguyễn Gia	Đạt				6,5	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
4	20118019	Nguyễn Võ Anh	Hào				5,0	6,0	5,7	0012345678910	0123456789
5	20118158	Bùi Vinh	Hiên				4,0	6,0	5,4	0012345678910	0123456789
6	20118159	Nguyễn Đoàn Thanh	Hiên				4,0	4,0	4,0	0012345678910	0123456789
7	20118161	Nguyễn Minh	Hiếu				7,0	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
8	20118162	Nguyễn Võ Xuân	Hiếu							0012345678910	0123456789
9	20118165	Trần Văn	Hiếu				8,0	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
10	20152008	Nguyễn Gia	Huy				9,5	6,5	7,4	0012345678910	0123456789
11	20118184	Võ Viết	Khiêm				3,0	5,0	4,4	0012345678910	0123456789
12	20118193	Đặng Ngọc	Long				4,0	4,0	4,0	0012345678910	0123456789
13	20118192	Trần Danh	Lợi				7,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
14	20118216	Thiên Hoàng	Nhật				6,5	5,5	5,8	0012345678910	0123456789
15	20118218	Võ Thành	Pháp				6,0	4,0	4,6	0012345678910	0123456789
16	20118221	Dương Tấn	Phát				2,5	2,5	2,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02399

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Máy điện & khí cụ điện(207802)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CC_01

Tổ Thi 001_DH20CC_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

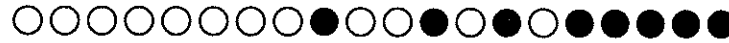
Ngày Thi 29/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm Thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118220	Đỗ Minh Phát	DH20CC				7,0	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
18	20118229	Mai Trọng Phú	DH20CC				3,5	4,5	2,1	0012345678910	0123456789
19	20118234	Trần Hưng Phụng	DH20CC				6,0	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
20	20118242	Trần Quang Sang	DH20CC				4,0	4,5	2,3	0012345678910	0123456789
21	20118244	Nguyễn Tân Hoàng Tài	DH20CC				3,0	2,5	2,7	0012345678910	0123456789
22	20118246	Đoàn Văn Tâm	DH20CC				3,0	4,0	3,7	0012345678910	0123456789
23	20118253	Nguyễn Đình Thắng	DH20CC				1,0	3,0	2,4	0012345678910	0123456789
24	20118260	Nguyễn Văn Thịnh	DH20CC				0,0	4,5	1,1	0012345678910	0123456789
25	20118262	Lư Chí Thông	DH20CC				7,0	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
26	20118268	Nguyễn Hoàng Tiến	DH20CC				2,0	4,0	1,3	0012345678910	0123456789
27	20118270	Huỳnh Quốc Toàn	DH20CC				2,5	3,5	3,2	0012345678910	0123456789
28	20118282	Nguyễn Đặng Minh Tuấn	DH20CC				3,0	3,5	3,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02399

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Máy điện & khí cụ điện(207802)** Số Tín Ch **3**
Nhóm Thi **DH20CC_01** Tổ Thi **001_DH20CC_01** Tên CBGD **Lê Quang Hiền**
Ngày Thi **29/07/2022** Giờ Thi **07:30** Phòng Thi **HD203**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi **27** Số sinh viên vắng **01**

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

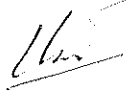
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

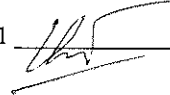
Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Lê Quang Hiền


Đặng Vĩnh Quang



TS. Nguyễn Đức Khuyến


Lê Quang Hiền